|  |  |
| --- | --- |
| TỔNG LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG VIỆT NAM  **TRƯỜNG CAO ĐẲNG**  **KINH TẾ - KỸ THUẬT SỐ 1 NGHỆ AN**  Số: ……../BC-TrCĐS1 | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  ***Nghệ An****, ngày ….. tháng ….. năm 2023* |
|  |  |

BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG NĂM 2023

A. THÔNG TIN CHUNG VỀ TRƯỜNG

Tên trường: TRƯỜNG CAO ĐẲNG KINH TẾ - KỸ THUẬT SỐ 1 NGHỆ AN

Tên tiếng Anh: NGHE AN TECHNICAL ECONOMIC COLLEGE N01

Cơ quan chủ quản: Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam

Địa chỉ trường: Km số 01 đường Lênin, phường Hà Huy Tập, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An Điện thoại: 0238.605.558  Fax: 0433. 864 111

Website: <http://www.tevc.edu.vn> Email: cdnktkt1na@gmail.com

Năm thành lập trường:

- Năm thành lập đầu tiên: 1992

- Năm nâng cấp thành trường Dạy nghề số 1 Nghệ An: 2002

- Năm nâng cấp thành trường Trung cấp nghề KTKT số 1 Nghệ An: 2006

- Năm nâng cấp thành trường Cao đẳng nghề KTKT số 1 Nghệ An: 2011

- Năm đổi tên trường thành trường Cao đẳng KTKT số 1 Nghệ An: 2017

Loại hình trường: Công lập x Dân lập

B. KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG

I- TỰ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG CƠ SỞ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP

1. Thời gian thực hiện tự đánh giá chất lượng

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Thời gian** | **Các hoạt động** | **Phụ trách/Sản phẩm** |
| Thời gian từ 01/08/2023 đến 15/8/2023 | - Họp lãnh đạo nhà trường để thảo luận mục đích, phạm vi, thời gian biểu và xác định các thành viên của Hội đồng tự kiểm định;  - Ra quyết định thành lập Hội đồng tự kiểm định, Ban thư ký và các nhóm chuyên trách;  - Họp Hội đồng tự kiểm định:  + Công bố quyết định thành lập Hội đồng TKĐ;  + Thảo luận và phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên trong Hội đồng;  +Thông qua dự thảo kế hoạch tự kiểm định;  + Giao nhiệm vụ cho các nhóm công tác chuyên trách; | -PT: Phòng Khảo thí và KĐCL  -SP: Quyết định thành lập Hội đồng tự kiểm định; Ban thư ký của Hội đồng; các nhóm công tác chuyên trách; Dự thảo kế hoạch tự kiểm định |
| Thời gian từ 16/08/2023 đến 31/08/2023 | - Hoàn thiện bản dự thảo kế hoạch tự kiểm định  - Họp Hội đồng tự kiểm định:  + Công bố kế hoạch tự kiểm định đã được phê duyệt;  + Thông báo phân công nhiệm vụ cho từng thành viên Hội đồng và các nhóm công tác chuyên trách giúp việc cho Hội đồng  - Các nhóm công tác chuyên trách ký kết hợp đồng thực hiện công việc với Ban giám hiệu(nếu cần) | - Chủ tịch Hội đồng  - PT: Trưởng Ban thư ký  - PT: Thư ký nhóm  - SP:Kế hoạch thực hiện kiểm định chất lượng GDNN 2021 |
| Thời gian từ 01/09/2023 đến 15/09/2023 | - Các nhóm công tác chuyên trách làm việc:  + Xây dựng kế hoạch công tác;  + Thu thập thông tin và minh chứng;  + Phân loại tiêu chí các thông tin và minh chứng thu được  + Mô tả thông tin và minh chứng thu được thông qua mẫu 3. Bảng mã Minh chứng;  + Phân tích, lý giải các kết quả thu được.  + Đánh giá, xác định mức độ đạt được theo từng chỉ số, tiêu chuẩn, tiêu chí kiểm định chất lượng dạy nghề có liên quan; phân tích, chỉ rõ các điểm mạnh, tồn tại và nguyên nhân; đề xuất kế hoạch hành động nhằm nâng cao chất lượng hoạt động theo mẫu 2: Báo cáo đánh giá chi tiết tiêu chí  + Viết báo cáo phân đoạn các tiêu chí được phân công  + Hoàn thiện công việc thu thập minh chứng, hoàn thiện báo cáo phân đoạn các tiêu chí được phân công gửi về phòng Thanh tra, Khảo thí và Đảm bảo chất lượng. Chậm nhất ngày 01/10/2021 | - PT: Trưởng nhóm và Thư ký nhóm công tác chuyên trách  - SP: bản kế hoạch công tác của nhóm; các loại minh chứng cần thu thập;  - SP: Báo cáo phân đoạn tự kiểm định được phân công kèm theo các minh chứng thu thập được |
| Thời gian từ 16/09/2023 đến 30/09/2023 | - Họp Hội đồng tự kiểm định:  +Xác định các vấn đề phát sinh từ các thông tin và minh chứng thu được  + Xác định nhu cầu thu thập thông tin bổ sung;  + Kiểm định đánh giá chất lượng GDNN năm 2021  + Đề nghị nhóm cần chỉnh sửa báo cáo phân đoạn của nhóm và bổ sung các minh chứng cần thiết | - Chủ tịch Hội đồng  - PT: Trưởng Ban thư ký  - SP:  + Điểm đánh giá sơ bộ CLGDNN 2020  + Xác định nhóm chuyên trách cần điều chỉnh, bổ sung minh chứng |
| Thời gian từ 01/10/2023 đến 31/10/2023 | - Các nhóm công tác chuyên trách làm việc:  + Thu thập xử lý thông tin bổ sung;  + Các cuộc họp bổ sung;  + Kiểm tra lại các thông tin và minh chứng được sử dụng trong báo cáo tự kiểm định;  + Hoàn chỉnh các báo cáo phân đoạn các tiêu chí được phân công  - Hoàn thiện báo cáo phân đoạn tự kiểm định gửi về phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng chậm nhất đến hết ngày 31 tháng 10 năm 2021 | -PT: Trưởng các nhóm công tác chuyên trách và thư ký nhóm  -Điểm đánh giá chính thức CLGDNN 2021  -SP: Các báo cáo phân đoạn các tiêu chí đã chỉnh sửa và minh chứng bổ sung. |
| Thời gian từ 1/11/2023 đến 15/11/2023 | - Tổng hợp báo cáo tự kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp của trường năm 2021  - Họp Hội đồng tự kiểm định thông qua dự thảo báo cáo tự kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp năm 2021.  - Chỉnh sửa bổ sung để hoàn thiện báo cáo | -PT: Hội đồng tự kiểm định  -PT: Trưởng ban thư ký  -SP: Bản dự thảo báo cáo tự kiểm định chất lượng và minh chứng. |
| Thời gian từ 16/11/2023 đến 30/11/2023 | - Hoàn thiện báo cáo tự kiểm định  - Họp Hội đồng tự kiểm định để thông qua báo cáo tự kiểm định  - Gửi báo cáo tự kiểm định về sở Lao động Thương binh và xã hội, Tổng cục dạy nghề - Bộ Lao động Thương binh và xã hội. | - PT: Trưởng ban thư ký  - Hội đồng tự kiểm định  - SP: Báo cáo tự kiểm định |

2. Kết quả tự đánh giá chất lượng

2.1. Tổng số điểm tự đánh giá chất lượng: 96 điểm

2.2. Tự đánh giá chất lượng: Đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

2.3. Bảng tổng hợp chi tiết điểm tự đánh giá chất lượng theo từng tiêu chí, tiêu chuẩn:

| **TT** | **Tiêu chí, tiêu chuẩn** | **Điểm chuẩn** | **Trường tự đánh giá** |
| --- | --- | --- | --- |
|  | **Đề xuất kết quả đạt được** |  | Đạt/không đạt chuẩn chất lượng |
|  | **Tổng điểm** | **100** | **96** |
| **1** | **Tiêu chí 1: Mục tiêu, sứ mạng, tổ chức và quản lý** | **12** | **12** |
|  | **Tiêu chuẩn 1.1:** Mục tiêu và sức mạng của trường được xác định cụ thể, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, thể hiện được vai trò của trường trong việc áp đáp ứng nhu cầu sử dụng nhân lực của địa phương, nghành và được công bố công khai. | 1 | Đạt |
|  | **Tiêu chuẩn 1.2:** Trường hợp thực hiện phân tích, đánh giá nhu cầu sử dụng nhân lực của địa phương hoặc nghành để xác định các nghành, nghề đào tạo và quy mô đào tạo phù hợp. | 1 | Đạt |
|  | **Tiêu chuẩn 1.3:** Trường ban hành văn bản quy định về tổ chức và quản lý theo hướng đảm bảo quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các đơn vị trong trường theo qui định. | 1 | Đạt |
|  | **Tiêu chuẩn 1.4:** Hằng năm, các văn bản qui định về tổ chức và quản lý của trường được rà soát, thực hiện điều chỉnh nếu cần thiết. | 1 | Đạt |
|  | **Tiêu chuẩn 1.5:** Các phòng, khoa, bộ môn và các đơn vị trực thuộc trường được phân công, phân cấp rõ ràng về chức năng, nhiệm vụ, phù hợp với cơ cấu ngành nghề, quy mô đào tạo và mục tiêu của trường. | 1 | Đạt |
|  | **Tiêu chuẩn 1.6:** Hội đồng trường hoặc hội đồng quản trị, các hội đồng tư vấn, các phòng, khoa, bộ môn và các đơn vị trực thuộc trường hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ theo quy định và có hiệu quả. | 1 | Đạt |
|  | **Tiêu chuẩn 1.7:** Trường xây dựng và vận hành hệ thống đảm bảo chất lượng theo quy định. | 1 | Đạt |
|  | **Tiêu chuẩn 1.8:** Trường có bộ phận phụ trách thực hiện công tác quản lý, đảm bảo chất lượng đào tạo và hằng năm hoàn thành nhiệm vụ được giao. | 1 | Đạt |
|  | **Tiêu chuẩn 1.9:** Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam trong trường phát huy được vai trò lãnh đạo, hoạt động đúng điều lệ và theo quy định của Hiến pháp và pháp luật. | 1 | Đạt |
|  | **Tiêu chuẩn 1.10:** Các đoàn thể, tổ chức xã hội trong trường hoạt động theo đúng điều lệ của tổ chức mình và theo quy định của pháp luật, góp phần đảm bảo và nâng cao chất lượng đào tạo của trường. | 1 | Đạt |
|  | **Tiêu chuẩn 1.11:** Trường có quy định và thực hiện công tác kiểm tra, giám sát các hoạt động của trường theo quy định nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo. Hằng năm rà soát, cải tiến phương pháp, công cụ kiểm tra, giám sát. | 1 | Đạt |
|  | **Tiêu chuẩn 1.12:** Trường có văn bản và thực hiện chế độ, chính sách ưu đãi của nhà nước cho các đối tượng được thụ hưởng; thực hiện chính sách bình đẳng giới theo quy định. | 1 | Đạt |
| **2** | **Tiêu chí 2: Hoạt động đào tạo** | **17** | **17** |
|  | **Tiêu chuẩn 2.1:** Các ngành, nghề đào tạo của trường được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp. Trường ban hành chuẩn đầu ra của tùng chương trình đào tạo và công bố công khai để người học và xã hội biết. | 1 | Đạt |
|  | **Tiêu chuẩn 2.2:** Trường xây dựng và ban hành quy chế tuyển sinh theo quy định. | 1 | Đạt |
|  | **Tiêu chuẩn 2.3:** Hằng năm, trường xác định chỉ tiêu tuyển sinh và thực hiện công tác tuyển sinh theo quy định, đảm bảo nghiêm túc, công bằng, khách quan. | 1 | Đạt |
|  | **Tiêu chuẩn 2.4:** Thực hiện đa dạng hóa các phương thức tổ chức đào tạo đáp ứng yêu cầu học tập của người học. | 1 | Đạt |
|  | **Tiêu chuẩn 2.5:** Trường xây dựng và phê duyệt kế hoạch, tiến độ đào tạo cho từng lớp, từng khóa học của mỗi ngành nghề, theo từng học kỳ, năm học. kế hoạch đào tạo chi tiết đến từng mô đun, môn học, giờ học lý thuyết, thực hành, thực tập phù hợp với từng hình thức, phương thức tổ chức đào tạo và đúng quy định. | 1 | Đạt |
|  | **Tiêu chuẩn 2.6:** Trường tổ chức thực hiện theo kế hoạch đào tạo, tiến độ đào tạo đã được phê duyệt. | 1 | Đạt |
|  | **Tiêu chuẩn 2.7:** Các hoạt động đào tạo được thực hiện theo mục tiêu, nội dung chương trình đào tạo đã được phê duyệt; có sự phối hợp với đơn vị sử dụng lao động trong việc tổ chức, hướng dẫn cho người học thực hành, thực tập các ngành, nghề tại đơn vị sử dụng lao động; thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có. | 1 | Đạt |
|  | **Tiêu chuẩn 2.8:** Phương pháp đào tạo được thực hiện kết hợp rèn luyện năng lực thực hành với trang bị kiến thức chuyên môn; phát huy tính tích cực, tự giác, năng động, khả năng làm việc độc lập của người học, tổ chức làm việc theo nhóm. | 1 | Đạt |
|  | **Tiêu chuẩn 2.9:** Trường thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động dạy và học. | 1 | Đạt |
|  | **Tiêu chuẩn 2.10:** Hằng năm, trường có kế hoạch và tổ chức kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học theo đúng kế hoạch. | 1 | Đạt |
|  | **Tiêu chuẩn 2.11:** Hằng năm, trường có báo cáo kết quả kiểm tra, hoạt động giám sát dạy và học. | 1 | Đạt |
|  | **Tiêu chuẩn 2.12:** Trường ban hành đầy đủ các quy định về kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ theo quy định. | 1 | Đạt |
|  | **Tiêu chuẩn 2.13:** Trong quá trình đánh giá kết quả học tập của người học có sự tham gia của đơn vị sử dụng lao động và theo quy định đặc thù của ngành nếu có. | 1 | Đạt |
|  | **Tiêu chuẩn 2.14:** Tổ chức thực hiện kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp đánh giá kết quả học tập, rèn luyện cấp văn bằng, chứng chỉ theo quy định đảm bảo nghiêm túc, khách quan. | 1 | Đạt |
|  | **Tiêu chuẩn 2.15:** Hằng năm, trường thực hiện rà soát các quy định về kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ và kịp thời điều chỉnh nếu thấy cần thiết. | 1 | Đạt |
|  | **Tiêu chuẩn 2.16:** Trường có hướng dẫn và tổ chức thực hiện về đào tạo liên thông theo quy định. | 1 | Đạt |
|  | **Tiêu chuẩn 2.17:** Trường có cơ sở dữ liệu về các hoạt động đào tạo và tổ chức quản lý, sử dụng hiệu quả. | 1 | Đạt |
| **3** | **Tiêu chí 3: Nhà giáo, cán bộ quản lý, nhân viên và người lao động.** | **15** | **15** |
|  | **Tiêu chuẩn 3.1:** Có quy định về việc tuyển dụng, sử dụng, quy hoạch, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động theo quy định. | 1 | Đạt |
|  | **Tiêu chuẩn 3.2:** Tổ chức thực hiện tuyển dụng, sử dụng, quy hoạch, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động theo quy định, đảm bảo công khai, minh bạch, khách quan; thực hiện đầy đủ chính sách, chế độ cho nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động theo quy định | 1 | Đạt |
|  | **Tiêu chuẩn 3.3:** Đội ngũ nhà giáo của trường tham gia giảng dạy đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ và các tiêu chuẩn hiện hành khác nếu có. | 1 | Đạt |
|  | **Tiêu chuẩn 3.4:** Nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định và không vi phạm quy chế, nội quy và quy định của trường. | 1 | Đạt |
|  | **Tiêu chuẩn 3.5:** Trường có đội ngũ nhà giáo đảm bảo tỷ lệ quy đổi; số lượng nhà giáo cơ hữu đảm nhận khối lượng chương trình mỗi ngành, nghề đào tạo theo quy định; trường đảm bảo tỷ lệ nhà giáo có trình độ sau đại học theo quy định | 1 | Đạt |
|  | **Tiêu chuẩn 3.6:** Nhà giáo giảng dạy theo nội dung, mục tiêu của chương trình đào tạo và thực hiện đầy đủ các yêu cầu của chương trình đào tạo. | 1 | Đạt |
|  | **Tiêu chuẩn 3.7:** Trường có chính sách, biện pháp và thực hiện các chính sách, biện pháp khuyến khích nhà giáo học tập và tự bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, đổi mới phương pháp giảng dạy. | 1 | Đạt |
|  | **Tiêu chuẩn 3.8:** Hằng năm, trường có kế hoạch và triển khai kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và phương pháp giảng dạy cho đội ngũ nhà giáo. | 1 | Đạt |
|  | **Tiêu chuẩn 3.9:** Nhà giáo được bồi dưỡng, thực tập tại đơn vị sử dụng lao động để cập nhật kiến thức, công nghệ, phương pháp tổ chức quản lý sản xuất theo quy định và thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có. | 1 | Đạt |
|  | **Tiêu chuẩn 3.10**: Hằng năm, trường thực hiện tổng kết, đánh giá hiệu quả công tác đào tạo, bồi dưỡng đối với đội ngũ nhà giáo. | 1 | Đạt |
|  | **Tiêu chuẩn 3.11:** Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng của trường đáp ứng các tiêu chuẩn theo quy định và thực hiện đúng quyền hạn, trách nhiệm được giao. | 1 | Đạt |
|  | **Tiêu chuẩn 3.12:** Đội ngũ cán bộ quản lý của các đơn vị thuộc trường được bổ nhiệm, miễn nhiệm theo quy định. | 1 | Đạt |
|  | **Tiêu chuẩn 3.13:** Đội ngũ cán bộ quản lý của trường đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ; thực hiện đúng quyền hạn và nhiệm vụ được giao. | 1 | Đạt |
|  | **Tiêu chuẩn 3.14:** Hằng năm, trường có kế hoạch và triển khai kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý. | 1 | Đạt |
|  | **Tiêu chuẩn 15:** Đội ngũ viên chức, người lao động của trường đủ số lượng, có năng lực chuyên môn đáp ứng yêu cầu công việc được giao, được định kỳ bồi dưỡng nâng cao trình độ. | 1 | Đạt |
| **4** | **Tiêu chí 4: Chương trình, giáo trình** | **15** | **15** |
|  | **Tiêu chuẩn 4.1:** Có đầy đủ chương trình đào tạo các chuyên ngành hoặc nghề mà trường đào tạo. | 1 | Đạt |
|  | **Tiêu chuẩn 4.2:** 100% chương trình đào tạo được xây dựng hoặc lựa chọn theo quy định. | 1 | Đạt |
|  | **Tiêu chuẩn 4.3:** Chương trình đào tạo của trường thể hiện được mục tiêu đào tạo của trình độ tương ứng; quy định chuẩn kiến thức, kỹ năng của người học đạt được sau tốt nghiệp; phạm vi và cấu trúc nội dung, phương pháp và hình thức đào tạo; cách thức đánh giá kết quả học tập đối với từng mô đun, môn học, từng chuyên ngành hoặc nghề và từng trình độ theo quy định. | 1 | Đạt |
|  | **Tiêu chuẩn 4.4:** Chương trình đào tạo được xây dựng có sự tham gia của nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục nghề nghiệp, cán bộ khoa học kỹ thuật của đơn vị sử dụng lao động; thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có. | 1 | Đạt |
|  | **Tiêu chuẩn 4.5:** Chương trình đào tạo đảm bảo tính thực tiễn và đáp ứng sự thay đổi của thị trường lao động. | 1 | Đạt |
|  | Tiêu chuẩn 4.6: Chương trình đào tạo được xây dựng bảo đảm việc liên thông giữa các trình độ giáo dục nghề nghiệp với các trình độ đào tạo khác trong hệ thống giáo dục quốc dân theo quy định. | 1 | Đạt |
|  | **Tiêu chuẩn 4.7:** Ít nhất 3 năm 1 lần trường thực hiện đánh giá, cập nhật và điều chỉnh nếu có đối với chương trình đào tạo đã ban hành. | 1 | Đạt |
|  | **Tiêu chuẩn 4.8:** Chỉnh sửa, bổ sung chương trình đào tạo có cập nhật những thành tựu khoa học công nghệ tiên tiến liên quan đến ngành, nghề đào tạo hoặc tham khảo các chương trình đào tạo tương ứng của nước ngoài. | 1 | Đạt |
|  | **Tiêu chuẩn 4.9:** Trước khi tổ chức đào tạo liên thông, trường căn cứ chương trình đào tạo, thực hiện rà soát các mô đun, tín chỉ, môn học và có quyết định đối với các mô đun, tín chỉ, môn học mà người học không phải học để đảm bảo quyền lợi của người học. | 1 | Đạt |
|  | **Tiêu chuẩn 4.10:** Có đủ giáo trình cho các mô đun, môn học của từng chương trình đào tạo. | 1 | Đạt |
|  | **Tiêu chuẩn 4.11:** 100% giáo trình đào tạo được xây dựng hoặc lựa chọn theo quy định để làm tài liệu giảng dạy, học tập chính thức. | 1 | Đạt |
|  | **Tiêu chuẩn 4.12:** Giáo trình đào tạo cụ thể hóa yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng của từng mô đun, môn học trong chương trình đào tạo. | 1 | Đạt |
|  | **Tiêu chuẩn 4.13:** Giáo trình đào tạo tạo điều kiện để thực hiện phương pháp dạy học tích cực. | 1 | Đạt |
|  | **Tiêu chuẩn 4.14:** Hằng năm, trường thực hiện việc lấy ý kiến của nhà giáo, cán bộ quản lý, cán bộ khoa học kỹ thuật của đơn vị sử dụng lao động, người tốt nghiệp về mức độ phù hợp của giáo trình đào tạo; thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có. | 1 | Đạt |
|  | **Tiêu chuẩn 4.15:** Khi có sự thay đổi về chương trình đào tạo, trường thực hiện đánh giá, cập nhật và điều chỉnh nếu có đối với giáo trình đào tạo đảm bảo yêu cầu theo quy định. | 1 | Đạt |
| **5** | **Tiêu chí 5: Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và thư viện** | **15** | **14** |
|  | **Tiêu chuẩn 5.1:** Địa điểm xây dựng trường phù hợp với quy hoạch chung của khu vực và mạng lưới các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, khu đất xây dựng cần đảm bảo yên tĩnh cho việc giảng dạy và học tập; giao thông thuận tiện và an toàn; thuận tiện cho việc cung cấp điện, nước, đảm bảo khoảng cách đối với các xí nghiệp công nghiệp thải ra chất độc hại; thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có. | 1 | Đạt |
|  | **Tiêu chuẩn 5.2:** Quy hoạch tổng thể mặt bằng khuôn viên hợp lý, phù hợp với công năng và các yêu cầu giao thông nội bộ, kiến trúc và môi trường sư phạm; diện tích đất sử dụng, diện tích cây xanh đảm bảo theo quy định. | 1 | Đạt |
|  | **Tiêu chuẩn 5.3:** Có đủ các khu vực phục vụ hoạt động của trường theo tiêu chuẩn: khu học tập và nghiên cứu khoa học (phòng học lý thuyết, phòng học thực hành, phòng thí nghiệm và phòng học chuyên môn); khu thực hành (xưởng thực hành, thực tập, trại trường, vườn thí nghiệm); khu vực rèn luyện thể chất; khu hành chính quản trị, phụ trợ và khu phục vụ sinh hoạt cho người học và nhà giáo. | 1 | Đạt |
|  | **Tiêu chuẩn 5.4:** Hệ thống hạ tầng kỹ thuật của trường (đường giao thông nội bộ; hệ thống điện; cấp thoát nước, xử lý nước thải, chất thải; thông gió; phòng cháy chữa cháy) theo quy chuẩn và đáp ứng nhu cầu đào tạo, sản xuất, dịch vụ, sinh hoạt; được bảo trì, bảo dưỡng theo quy định. | 1 | Đạt |
|  | **Tiêu chuẩn 5.5:** Phòng học, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, phòng học chuyên môn hóa bảo đảm quy chuẩn xây dựng, tiêu chuẩn cơ sở vật chất hiện hành và các yêu cầu công nghệ của thiết bị đào tạo. | 1 | Đạt |
|  | **Tiêu chuẩn 5.6:** Trường có quy định về quản lý, sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị đào tạo. | 1 | Đạt |
|  | **Tiêu chuẩn 5.7:** Phòng học, giảng đường, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, phòng học chuyên môn hóa được sử dụng theo quy định hiện hành. | 1 | Đạt |
|  | **Tiêu chuẩn 5.8:** Thiết bị đào tạo đáp ứng danh mục và tiêu chuẩn thiết bị tối thiểu theo yêu cầu đào tạo của từng trình độ đào tạo theo chuyên ngành hoặc nghề do cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp ở trung ương quy định. Đối với các chuyên ngành hoặc nghề mà cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp ở trung ương chưa ban hành danh mục và tiêu chuẩn thiết bị tối thiểu thì trường đảm bảo thiết bị đào tạo đáp ứng yêu cầu chương trình đào tạo, tương ứng quy mô đào tạo của chuyên ngành hoặc nghề đó. | 1 | Đạt |
|  | **Tiêu chuẩn 5.9:** Thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo được bố trí hợp lý, an toàn, thuận tiện cho việc đi lại, vận hành, bảo dưỡng và tổ chức hướng dẫn thực hành; đảm bảo các yêu cầu sư phạm, an toàn vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường. | 1 | Đạt |
|  | **Tiêu chuẩn 5.10:** Trường có quy định về quản lý, sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị đào tạo, trong đó có quy định về việc định kỳ đánh giá và đề xuất biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng thiết bị đào tạo. | 1 | Đạt |
|  | **Tiêu chuẩn 5.11:** Thiết bị đào tạo có hồ sơ quản lý rõ ràng, được sử dụng đúng công năng, quản lý, bảo trì, bảo dưỡng theo quy định của trường và nhà sản xuất; hằng năm đánh giá và đề xuất biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng theo quy định. | 1 | Đạt |
|  | **Tiêu chuẩn 5.12:** Trường có định mức tiêu hao vật tư hoặc định mức kinh tế - kỹ thuật trong đào tạo và có quy định về quản lý, cấp phát, sử dụng vật tư, phục vụ đào tạo; tổ chức thực hiện theo quy định đảm bảo kịp thời, đáp ứng kế hoạch và tiến độ đào tạo; vật tư được bố trí sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp thuận tiện cho việc bảo quản và sử dụng. | 1 | Đạt |
|  | **Tiêu chuẩn 5.13:** Trường có thư viện bao gồm phòng đọc, phòng lưu trữ bảo đảm theo tiêu chuẩn thiết kế. Thư viện có đủ chương trình, giáo trình đã được trường phê duyệt, mỗi loại giáo trình đảm bảo tối thiểu 05 bản in. | 1 | Đạt |
|  | **Tiêu chuẩn 5.14:** Tổ chức hoạt động, hình thức phục vụ của thư viện trường phù hợp với nhu cầu tra cứu của cán bộ quản lý, nhà giáo và người học. | 1 | Đạt |
|  | **Tiêu chuẩn 5.15:** Trường có thư viện điện tử, có phòng máy tính đáp ứng nhu cầu tra cứu, truy cập thông tin của nhà giáo và người học; các giáo trình, tài liệu tham khảo của trường được số hóa và tích hợp với thư viện điện tử phục vụ hiệu quả cho hoạt động đào tạo. | 0 | Không đạt |
| **6** | **Tiêu chí 6: Nghiên cứu kế hoạch, chuyển giao công nghệ và hợp tác quan hệ.** | **5** | **5** |
|  | **Tiêu chuẩn 6.1:** Trường có chính sách và thực hiện các chính sách khuyến khích cán bộ quản lý, nhà giáo và nhân viên tham gia nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến và chuyển giao công nghệ nhằm nâng cao hiệu quả, chất lượng đào tạo. | 1 | Đạt |
|  | **Tiêu chuẩn 6.2:** Hằng năm, trường có đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến từ cấp trường trở lên phục vụ thiết thực công tác đào tạo của trường (ít nhất 01 đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến đối với trường trung cấp, ít nhất 02 đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến đối với trường cao đẳng). | 1 | Đạt |
|  | **Tiêu chuẩn 6.3:** Hằng năm, trường có các bài báo, ấn phẩm của nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động đăng trên các báo, tạp chí khoa học ở trong nước hoặc quốc tế. | 1 | Đạt |
|  | **Tiêu chuẩn 6.4:** Các đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến của trường được ứng dụng thực tiễn. | 1 | Đạt |
|  | **Tiêu chuẩn 6.5:** Có liên kết đào tạo hoặc triển khai các hoạt động hợp tác với các trường nước ngoài hoặc các tổ chức quốc tế; các hoạt động hợp tác quốc tế góp phần nâng cao chất lượng đào tạo của trường. | 1 | Đạt |
| **7** | **Tiêu chí 7: Quản lý tài chính** | **6** | **6** |
|  | **Tiêu chuẩn 7.1:** Trường có quy định về quản lý, sử dụng, thanh quyết toán về tài chính theo quy định và công bố công khai. | 1 | Đạt |
|  | **Tiêu chuẩn 7.2:** Quản lý, sử dụng các nguồn thu từ hoạt động dịch vụ đào tạo; tham gia sản xuất, kinh doanh, dịch vụ đúng theo quy định. | 1 | Đạt |
|  | **Tiêu chuẩn 7.3:** Trường có các nguồn lực về tài chính đảm bảo đủ kinh phí phục vụ các hoạt động của trường. | 1 | Đạt |
|  | **Tiêu chuẩn 7.4:** Thực hiện việc quản lý, sử dụng và thanh quyết toán đúng quy định. | 1 | Đạt |
|  | **Tiêu chuẩn 7.5:** Thực hiện công tác tự kiểm tra tài chính kế toán; thực hiện kiểm toán theo quy định; xử lý, khắc phục kịp thời các vấn đề còn vướng mắc trong việc thực hiện các quy định về quản lý và sử dụng tài chính khi có kết luận của các cơ quan có thẩm quyền; thực hiện công khai tài chính theo quy định. | 1 | Đạt |
|  | **Tiêu chuẩn 7.6:** Hằng năm, trường có đánh giá hiệu quả sử dụng nguồn tài chính của trường; có các biện pháp nâng cao hiệu quả quản lý và sử dụng tài chính nhằm nâng cao chất lượng các hoạt động của trường. | 1 | Đạt |
| **8** | **Tiêu chí 8: Dịch vụ người học** | **9** | **9** |
|  | **Tiêu chuẩn 8.1:** Người học được cung cấp đầy đủ thông tin về mục tiêu, chương trình đào tạo; quy chế kiểm tra, thi và xét công nhận tốt nghiệp; nội quy, quy chế của trường; các chế độ, chính sách hiện hành đối với người học; các điều kiện đảm bảo chất lượng dạy và học theo quy định. | 1 | Đạt |
|  | **Tiêu chuẩn 8.2:** Người học được hưởng các chế độ, chính sách theo quy định. | 1 | Đạt |
|  | **Tiêu chuẩn 8.3:** Có chính sách và thực hiện chính sách khen thưởng, khuyến khích kịp thời đối với người học đạt kết quả cao trong học tập, rèn luyện. Người học được hỗ trợ kịp thời trong quá trình học tập tại trường để hoàn thành nhiệm vụ học tập. | 1 | Đạt |
|  | **Tiêu chuẩn 8.4:** Người học được tôn trọng và đối xử bình đẳng, không phân biệt giới tính, tôn giáo, nguồn gốc xuất thân. | 1 | Đạt |
|  | **Tiêu chuẩn 8.5:** Ký túc xá đảm bảo đủ diện tích nhà ở và các điều kiện tối thiểu (chỗ ở, điện, nước, vệ sinh, các tiện nghi khác) cho sinh hoạt và học tập của người học. | 1 | Đạt |
|  | **Tiêu chuẩn 8.6:** Có dịch vụ y tế chăm sóc và bảo vệ sức khoẻ; dịch vụ ăn uống của trường đáp ứng nhu cầu của người học và đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm. | 1 | Đạt |
|  | **Tiêu chuẩn 8.7:** Người học được tạo điều kiện hoạt động, tập luyện văn nghệ, thể dục thể thao, tham gia các hoạt động xã hội; được đảm bảo an toàn trong khuôn viên trường. | 1 | Đạt |
|  | **Tiêu chuẩn 8.8:** Trường thực hiện việc tư vấn việc làm cho người học sau khi tốt nghiệp. | 1 | Đạt |
|  | **Tiêu chuẩn 8.9:** Hằng năm, trường tổ chức hoặc phối hợp tổ chức hội chợ việc làm để người học tiếp xúc với các nhà tuyển dụng. | 1 | Đạt |
| **9** | **Tiêu chí 9: Giám sát, đánh giá chất lượng.** | **6** | **3** |
|  | **Tiêu chuẩn 9.1:** Hằng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 10 đơn vị sử dụng lao động về mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp làm việc tại đơn vị sử dụng lao động. | 0 | Không đạt |
|  | **Tiêu chuẩn 9.2:** Hằng năm, thu thập ý kiến đánh giá tối thiểu 50% cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động về các chính sách liên quan đến dạy và học, chính sách tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại, bổ nhiệm cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động. | 0 | Không đạt |
|  | **Tiêu chuẩn 9.3:** Hằng năm, thu thập ý kiến đánh giá tối thiểu 30% người học đại diện các ngành, nghề đào tạo về chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo; chất lượng dịch vụ, giảng dạy và việc thực hiện chính sách liên quan đến người học của trường. | 0 | Không đạt |
|  | **Tiêu chuẩn 9.4:** Trường thực hiện hoạt động tự đánh giá chất lượng và kiểm định chất lượng theo quy định. | 1 | Đạt |
|  | **Tiêu chuẩn 9.5:** Hằng năm, trường có kế hoạch cụ thể và các biện pháp thực hiện việc cải thiện, nâng cao chất lượng đào tạo trên cơ sở kết quả tự đánh giá và kết quả đánh giá ngoài nếu có. | 1 | Đạt |
|  | **Tiêu chuẩn 9.6:** Trường có tỷ lệ 80% người học có việc làm phù hợp với chuyên ngành hoặc nghề đào tạo sau 6 tháng kể từ khi tốt nghiệp. | 1 | Đạt |

II - TỰ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

\* Số lượng chương trình đào tạo thực hiện tự đánh giá chất lượng: 06

\* Số lượng chương trình đào tạo tự đánh giá đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng: 06

**1. Tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo**

- Số lượng CTĐT thực hiện tự đánh giá: 01

- Số lượng CTĐT tự đánh giá đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng: 01

- Tên ngành/nghề: Công nghệ ô tô

- Trình độ: Cao đẳng

- Cấp độ: Khu vực

1.1. Thời gian thực hiện tự đánh giá

a. Thời gian thực hiện tự đánh giá: từ 09/08/2023 đến 09/09/2023

b. Thời gian công bố báo cáo kết quả tự đánh giá: 20/12/2023

1.2. Kết quả tự đánh giá

a. Tổng số điểm tự đánh giá: 98

b. Tự đánh giá chất lượng: Đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng chương trình đào tạo

c. Bảng tổng hợp chi tiết điểm tự đánh giá chất lượng theo từng tiêu chí, tiêu chuẩn:

| TT | Tiêu chí, tiêu chuẩn | Điểm chuẩn | Tự đánh giá |
| --- | --- | --- | --- |
| ĐỀ XUẤT KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC | |  | Đạt tiêu chuẩn kiểm định |
| TỔNG ĐIỂM | | 100 | 98 |
| 1. | Tiêu chí 1: Mục tiêu, quản lý và tài chính | 6 | 6 |
|  | Tiêu chuẩn 1.1: Mục tiêu của chương trình đào tạo phù hợp mục tiêu của cơ sở đào tạo và nhu cầu thị trường lao động, được công bố công khai và được rà soát, điều chỉnh theo quy định của Bộ LĐTB& XH. | 2 | 2 |
| Tiêu chuẩn 1.2: Cơ sở đào tạo có văn bản giao nhiệm vụ cụ thể cho khoa/đơn vị phụ trách chương trình đào tạo và các đơn vị có liên quan đến việc thực hiện chương trình đào tạo; khoa/đơn vị phụ trách chương trình đào tạo hoàn thành các nhiệm vụ được giao liên quan đến chương trình đào tạo. | 2 | 2 |
|  | Tiêu chuẩn 1.3: Hàng năm, cơ sở đào tạo nghiên cứu, xác định định mức chi tối thiểu cho một người học, đảm bảo chất lượng của chương trình đào tạo và có đủ nguồn thu hợp pháp để thực hiện chương trình đào tạo. | 2 | 2 |
| 2. | Tiêu chí 2: Hoạt động đào tạo | 14 | 14 |
|  | Tiêu chuẩn 2.1: Nhà trường thực hiện công tác tuyển sinh theo quy định; kết quả tuyển sinh đạt chỉ tiêu theo kế hoạch đề ra vì vậy đảm bảo số giờ cho 100% giảng viên của khoa. | 2 | 2 |
|  | Tiêu chuẩn 2.2: Khoa có kế hoạch đào tạo và tổ chức thực hiện tiến độ đào tạo theo quy định. | 2 | 2 |
|  | Tiêu chuẩn 2.3: Thực hiện phương pháp đào tạo phù hợp với nội dung chương trình đào tạo, kết hợp rèn luyện năng lực thực hành với trang bị kiến thức chuyên môn; phát huy tính tích cực, tự giác, năng động, khả năng làm việc độc lập, tổ chức làm việc theo nhóm của người học; thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin, truyền thông trong hoạt động dạy và học. | 2 | 2 |
|  | Tiêu chuẩn 2.4: Khoa và nhà trường phối hợp với đơn vị sử dụng lao động trong việc tổ chức, hướng dẫn cho người học thực hành, thực tập tại đơn vị sử dụng lao động; 100% người học trước khi tốt nghiệp đều được thực hành tại đơn vị sử dụng lao động phù hợp với ngành, nghề đào tạo. | 2 | 2 |
|  | Tiêu chuẩn 2.5: Tổ chức kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng theo quy định; có hồ sơ người học đủ và đúng theo quy định. | 2 | 2 |
|  | Tiêu chuẩn 2.6: Tổ chức kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học theo quy định; sử dụng kết quả kiểm tra để kịp thời điều chỉnh các hoạt động dạy và học. | 2 | 2 |
|  | Tiêu chuẩn 2.7: Tổ chức đào tạo liên thông theo quy định. | 2 | 2 |
| 3. | Tiêu chí 3: Nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên | 16 | 14 |
|  | Tiêu chuẩn 3.1: 100% nhà giáo tham gia giảng dạy đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định. | 2 | 0 |
|  | Tiêu chuẩn 3.2: Hàng năm, 100% nhà giáo hoàn thành các nhiệm vụ do cơ sở đào tạo giao. | 2 | 2 |
|  | Tiêu chuẩn 3.3: Đảm bảo tất cả các môn học, mô đun thuộc chương trình đào tạo có đủ nhà giáo đứng lớp; đảm bảo tỉ lệ quy đổi người học/nhà giáo theo quy định. | 2 | 2 |
|  | Tiêu chuẩn 3.4: Hàng năm, tối thiểu 50% nhà giáo cơ hữu dạy các môn chuyên môn ngành, nghề tham gia nghiên cứu khoa học, các hội thi nhà giáo dạy giỏi, hội thi thiết bị tự làm các cấp và đạt thành tích cao. | 2 | 2 |
|  | Tiêu chuẩn 3.5: Hằng năm, cơ sở đào tạo tổ chức cho nhà giáo cơ hữu tham gia các khóa học tập, bồi dưỡng. | 2 | 2 |
|  | Tiêu chuẩn 3.6: 100% nhà giáo cơ hữu đi thực tập tại các đơn vị sử dụng lao động theo quy định. | 2 | 2 |
|  | Tiêu chuẩn 3.7: 100% cán bộ quản lý và nhân viên đạt chuẩn về chuyên môn nghiệp vụ theo quy định. | 2 | 2 |
|  | Tiêu chuẩn 3.8: Hàng năm, 100% cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành các nhiệm vụ do cơ sở đào tạo giao. | 2 | 2 |
| 4. | Tiêu chí 4: Chương trình, giáo trình | 24 | 22 |
|  | Tiêu chuẩn 4.1: Chương trình đào tạo được xây dựng hoặc lựa chọn, thẩm định, ban hành, đánh giá và cập nhật theo quy định. | 2 | 2 |
|  | Tiêu chuẩn 4.2: Có sự tham gia của ít nhất 02 đơn vị sử dụng lao động trong quá trình xây dựng và thẩm định chương trình đào tạo. | 2 | 2 |
|  | Tiêu chuẩn 4.3: Chương trình đào tạo thể hiện được khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp. | 2 | 2 |
|  | Tiêu chuẩn 4.4: Chương trình đào tạo thể hiện được sự phân bổ thời gian, trình tự thực hiện các môđun, môn học để đảm bảo thực hiện được mục tiêu giáo dục nghề nghiệp. | 2 | 2 |
|  | Tiêu chuẩn 4.5: Chương trình đào tạo thể hiện được những yêu cầu tối thiểu về cơ sở vật chất, đội ngũ giáo viên để triển khai thực hiện chương trình đào tạo nhằm đảm bảo chất lượng đào tạo. | 2 | 2 |
|  | Tiêu chuẩn 4.6: Chương trình đào tạo thực hiện được phương pháp đánh giá kết quả học tập, xác định mức độ đạt yêu cầu về năng lực của người học sau khi học xong môn học, mô đun của chương trình đào tạo. | 2 | 2 |
|  | Tiêu chuẩn 4.7: Chương trình đào tạo đảm bảo phù hợp với yêu cầu phát triển của ngành, địa phương và đất nước, phù hợp với kỹ thuật công nghệ trong sản xuất dịch vụ. | 2 | 2 |
|  | Tiêu chuẩn 4.8: Chương trình đào tạo đảm bảo việc liên thông giữa các trình độ đào tạo trong hệ thống giáo dục quốc dân. | 2 | 0 |
|  | Tiêu chuẩn 4.9: Có đủ giáo trình cho các mô-đun, môn học của chương trình đào tạo. | 2 | 2 |
|  | Tiêu chuẩn 4.10: 100% giáo trình được biên soạn hoặc lựa chọn, thẩm định, ban hành, đánh giá và cập nhật theo quy định. | 2 | 2 |
|  | Tiêu chuẩn 4.11: Giáo trình cụ thể hóa yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng của từng môđun, môn học trong chương trình đào tạo; nội dung giáo trình phù hợp để thực hiện phương pháp dạy học tích cực. | 2 | 2 |
|  | Tiêu chuẩn 4.12: Nội dung giáo trình đảm bảo phù hợp với công nghệ trong sản xuất, kinh doanh, dịch vụ. | 2 | 2 |
| 5. | Tiêu chí 5: Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và thư viện | 16 | 16 |
|  | Tiêu chuẩn 5.1: Phòng học, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, hệ thống điện, nước đảm bảo quy chuẩn xây dựng và yêu cầu đào tạo. | 2 | 2 |
|  | Tiêu chuẩn 5.2: Đảm bảo đủ chủng loại, thiết bị đào tạo đáp ứng yêu cầu của trình độ đào tạo. | 2 | 2 |
|  | Tiêu chuẩn 5.3: Đảm bảo đủ số lượng thiết bị đào tạo đáp ứng quy mô, yêu cầu đào tạo. | 2 | 2 |
|  | Tiêu chuẩn 5.4: Thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo được bố trí hợp lý, thuận tiện cho việc thực hành; đảm bảo các yêu cầu sư phạm, an toàn vệ sinh lao động, vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường; Thiết bị đào tạo có hồ sơ quản lý rõ ràng, được sử  dụng đúng công năng, quản lý, bảo trì, bảo dưỡng theo quy định. | 2 | 2 |
|  | Tiêu chuẩn 5.5: Nguyên, nhiên, vật liệu được bố trí sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp, thuận tiện: được quản lý, cấp phát sử dụng theo quy định; đáp ứng kế hoạch và tiến độ đào tạo. | 2 | 2 |
|  | Tiêu chuẩn 5.6: Thư viện có đủ chương trình, giáo trình đã được cơ sở đào tạo phê duyệt; mỗi loại giáo trình có tối thiểu 05 bản in và đáp ứng được nhu cầu nghiên cứu, học tập của nhà giáo và người học; có đủ sách tạp chí, tài liệu tham khảo tối thiểu 05 đầu sách/người học; 100% chương trình, giáo trình được số hóa và tích hợp với thư viện điện tử phục vụ hiệu quả cho hoạt động đào tạo. | 2 | 2 |
|  | Tiêu chuẩn 5.7: Thư viện được trang bị máy tính và nối mạng Internet đáp ứng nhu cầu dạy, học và tra cứu tài liệu. | 2 | 0 |
|  | Tiêu chuẩn 5.8: Có các phần mềm ảo mô phỏng thiết bị dạy học thực tế trong giảng dạy. | 2 | 2 |
| 6. | Tiêu chí 6: Dịch vụ cho người học | 8 | 8 |
|  | Tiêu chuẩn 6.1: Người học được cung cấp đầy đủ thông tin về chương trình đào tạo; quy chế đào tạo; quy chế công tác học sinh, sinh viên; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp; nội quy, quy chế của cơ sở đào tạo và các chế độ, chính sách đối với người học. | 2 | 2 |
|  | Tiêu chuẩn 6.2: Người học được hưởng các chế độ, chính sách theo quy định; cơ sở đào tạo có chính sách và thực hiện chính sách khen thưởng, động viên khuyến khích kịp thời đối với người học đạt kết quả cao trong học tập và tư vấn, hỗ trợ kịp thời cho người học trong quá trình học tập. | 2 | 2 |
|  | Tiêu chuẩn 6.3: Hàng năm cơ sở đào tạo cung cấp cho người học các thông tin về nghề nghiệp, thị trường lao động và việc làm; thực hiện trợ giúp giới thiệu việc làm cho người học sau khi tốt nghiệp. | 2 | 2 |
|  | Tiêu chuẩn 6.4: Cơ sở đào tạo thực hiện đa dạng hóa các hoạt động xã hội, văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao cho người học. | 2 | 2 |
| 7. | Tiêu chí 7: Giám sát, đánh giá chất lượng | 16 | 16 |
|  | Tiêu chuẩn 7.1: Hằng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 10 đơn vị sử dụng lao động về mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp làm việc tại đơn vị sử dụng lao động và sự phù hợp của chương trình đào tạo với thực tiễn sản xuất kinh doanh dịch vụ. | 2 | 2 |
|  | Tiêu chuẩn 7.2: Thực hiện điều tra lần vết đối với người tốt nghiệp để thu thập thông tin về việc làm, đánh giá về chất lượng đào tạo và sự phù hợp của chương trình đào tạo với vị trí việc làm của người tốt nghiệp | 2 | 2 |
|  | Tiêu chuẩn 7.3: Hằng năm thu thập ý kiến tối thiểu 50% nhà giáo, cán bộ quản lý về các nội dung liên quan đến công tác dạy và học, tuyển dụng lao động, bổ nhiệm, bồi dưỡng, phân loại và đánh giá nhà giáo, cán bộ quản lý. | 2 | 2 |
|  | Tiêu chuẩn 7.4: Hàng năm thu thập ý kiến tối thiểu 30% người học về chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo, chất lượng giảng dạy, việc thực hiện chế độ chính sách và các dịch vụ đối với người học. | 2 | 2 |
|  | Tiêu chuẩn 7.5: Cơ sở đào tạo thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo theo quy định. | 2 | 2 |
|  | Tiêu chuẩn 7.6: Hàng năm cơ sở đào tạo có kế hoạch cụ thể và thực hiện cải thiện, nâng cao chất lượng chương trình đào tạo trên cơ sở kết quả tự đánh giá của cơ sở đào tạo và kết quả đánh giá ngoài. | 2 | 2 |
|  | Tiêu chuẩn 7.7: Trong vòng 06 tháng kể từ khi tốt nghiệp, tối thiểu 80% người học có việc làm phù hợp với ngành, nghề đào tạo. | 2 | 2 |
|  | Tiêu chuẩn 7.8: Tối thiểu 80% đơn vị sử dụng lao động được điều tra hài lòng với kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp làm việc tại đơn vị sử dụng lao động. | 2 | 2 |

**2. Tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo:**

- Số lượng CTĐT thực hiện tự đánh giá: 01

- Số lượng CTĐT tự đánh giá đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng: 01

- Tên ngành/nghề: Hàn

- Trình độ: Cao đẳng

- Cấp độ: Quốc gia

*1.1 Thời gian thực hiện tự đánh giá*

a. Thời gian thực hiện tự đánh giá: từ 15/08/2023 đến 09/09/2023

b. Thời gian công bố báo cáo kết quả tự đánh giá: 20/12/2023

*1.2 Kết quả tự đánh giá*

a. Tổng số điểm tự đánh giá: 92

b. Tự đánh giá chất lượng: Đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng chương trình đào tạo

c. Bảng tổng hợp chi tiết điểm tự đánh giá chất lượng theo từng tiêu chí, tiêu chuẩn:

| TT | Tiêu chí, tiêu chuẩn | Điểm chuẩn | Tự đánh giá |
| --- | --- | --- | --- |
|  | ĐỀ XUẤT CẤP ĐỘ ĐẠT ĐƯỢC |  | Đạt tiêu chuẩn kiểm định |
|  | Tổng điểm | 100 | 92 |
| 1. | Tiêu chí 1: Mục tiêu, quản lý và tài chính | 6 | 5 |
|  | Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu của chương trình đào tạo phù hợp mục tiêu đào tạo của nhà trường và nhu cầu thị trường lao động, được công bố công khai và được rà soát, điều chỉnh theo quy định của Bộ LĐTB&XH. | 2 | 2 |
|  | Tiêu chuẩn 2: Khoa có văn bản giao nhiệm vụ cụ thể cho các tổ bộ môn phụ trách chương trình đào tạo hoàn thành các nhiệm vụ được giao. | 2 | 2 |
|  | Tiêu chuẩn 3: Hàng năm, khoa nghiên cứu, xác định định mức chi tối thiểu cho một người học, đảm bảo chất lượng của chương trình đào tạo và có đủ nguồn thu hợp pháp để thực hiện chương trình đào tạo. | 2 | 1 |
| 2. | Tiêu chí 2 - Hoạt động đào tạo | 14 | 14 |
|  | Tiêu chuẩn 1: Nhà trường thực hiện công tác tuyển sinh theo quy định; kết quả tuyển sinh đạt chỉ tiêu theo kế hoạch đề ra vì vậy đảm bảo số giờ cho !00% giảng viên của khoa. | 2 | 2 |
|  | Tiêu chuẩn 2: Khoa có kế hoạch đào tạo và tổ chức thực hiện tiến độ đào tạo theo quy định. | 2 | 2 |
|  | Tiêu chuẩn 3: Thực hiện phương pháp đào tạo phù hợp với nội dung chương trình đào tạo, kết hợp rèn luyện năng lực thực hành với trang bị kiến thức chuyên môn; phát huy tính tích cực, tự giác, năng động, khả năng làm việc độc lập, tổ chức làm việc theo nhóm của người học; thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin, truyền thông trong hoạt động dạy và học. | 2 | 2 |
|  | Tiêu chuẩn 4: Công tác phối hợp với đơn vị sử dụng lao động trong việc tổ chức, hướng dẫn cho người học thực hành, thực tập tại đơn vị sử dụng lao động; 100% người học trước khi tốt nghiệp đều được thực hành tại đơn vị sử dụng lao động phù hợp với ngành, nghề đào tạo. | 2 | 2 |
|  | Tiêu chuẩn 5: Khoa phối hợp với các khoa nghề và các phòng ban liên quan tổ chức kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng theo quy định; có hồ sơ người học đủ và đúng theo quy định. | 2 | 2 |
|  | Tiêu chuẩn 6: Khoa tổ chức kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học các bộ môn chung theo quy định; sử dụng kết quả kiểm tra để kịp thời điều chỉnh các hoạt động dạy và học cho phù hợp. | 2 | 2 |
|  | Tiêu chuẩn 7: Tham gia đào tạo liên thông theo quy định. | 2 | 2 |
| 3. | Tiêu chí 3 - Nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên | 16 | 14 |
|  | Tiêu chuẩn 1: 100% giảng viên tham gia giảng dạy đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định. | 2 | 2 |
|  | Tiêu chuẩn 2: Hàng năm, 100% giảng viên hoàn thành các nhiệm vụ do nhà trường giao. | 2 | 2 |
|  | Tiêu chuẩn 3: Đảm bảo tất cả các mô-đun, môn học thuộc chương trình đào tạo có đủ giảng viên đứng lớp; đảm bảo tỉ lệ số người học/lớp và tỉ lệ quy đổi người học/giảng viên theo quy định. | 2 | 2 |
|  | Tiêu chuẩn 4: Số lượng giảng viên tham gia nghiên cứu khoa học, các hội thi nhà giáo dạy giỏi, hội thi thiết bị tự làm các cấp. | 2 | 1 |
|  | Tiêu chuẩn 5: Giảng viên của khoa đăng ký tham gia các khóa học tập, bồi dưỡng. | 2 | 2 |
|  | Tiêu chuẩn 6: Giảng viên cơ hữu đi thực tập tại các đơn vị sử dụng lao động theo quy định. | 2 | 1 |
|  | Tiêu chuẩn 7: 100% cán bộ quản lý giảng viên đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định. | 2 | 2 |
|  | Tiêu chuẩn 8: Hàng năm, 100% cán bộ quản lý và giảng viên hoàn thành các nhiệm vụ do cơ sở đào tạo giao. | 2 | 2 |
| 4. | Tiêu chí 4 - Chương trình, giáo trình | 24 | 23 |
|  | Tiêu chuẩn 1: Chương trình đào tạo được xây dựng hoặc lựa chọn, thẩm định, ban hành, đánh giá và cập nhật theo quy định. | 2 | 2 |
|  | Tiêu chuẩn 2: Có sự tham gia của ít nhất 02 đơn vị sử dụng lao động trong quá trình xây dựng và thẩm định chương trình đào tạo. | 2 | 1 |
|  | Tiêu chuẩn 3: Chương trình đào tạo thể hiện được khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp. | 2 | 2 |
|  | Tiêu chuẩn 4: Chương trình đào tạo thể hiện được sự phân bổ thời gian, trình tự thực hiện các mô-đun, môn học để đảm bảo thực hiện được mục tiêu giáo dục nghề nghiệp. | 2 | 2 |
|  | Tiêu chuẩn 5: Chương trình đào tạo thể hiện được những yêu cầu tối thiểu về cơ sở vật chất, đội ngũ giảng viên để triển khai thực hiện chương trình đào tạo nhằm đảm bảo chất lượng đào tạo. | 2 | 2 |
|  | Tiêu chuẩn 6: Chương trình đào tạo thể hiện được phương pháp đánh giá kết quả học tập, xác định mức độ đạt yêu cầu về năng lực của người học sau khi học xong các mô-đun, môn học của chương trình đào tạo. | 2 | 2 |
|  | Tiêu chuẩn 7: Chương trình đào tạo đảm bảo phù hợp với yêu cầu phát triển của ngành, địa phương và đất nước, phù hợp với kỹ thuật công nghệ trong sản xuất, dịch vụ. | 2 | 2 |
|  | Tiêu chuẩn 8: Chương trình đào tạo đảm bảo việc liên thông giữa các trình độ đào tạo trong hệ thống giáo dục quốc dân. | 2 | 2 |
|  | Tiêu chuẩn 9: Có đủ giáo trình cho các mô-đun, môn học của chương trình đào tạo. | 2 | 2 |
|  | Tiêu chuẩn 10: 100% giáo trình được biên soạn hoặc lựa chọn, thẩm định, ban hành, đánh giá và cập nhật theo quy định. | 2 | 2 |
|  | Tiêu chuẩn 11: Giáo trình cụ thể hóa yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng của từng mô-đun, môn học trong chương trình đào tạo; nội dung giáo trình phù hợp để thực hiện phương pháp dạy học tích cực. | 2 | 2 |
|  | Tiêu chuẩn 12: Nội dung giáo trình đảm bảo phù hợp với công nghệ trong sản xuất, kinh doanh, dịch vụ. | 2 | 2 |
| 5. | Tiêu chí 5 - Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và thư viện | 16 | 14 |
|  | Tiêu chuẩn 1: Phòng học, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, hệ thống điện, nước đảm bảo quy chuẩn xây dựng và yêu cầu đào tạo. | 2 | 2 |
|  | Tiêu chuẩn 2: Đảm bảo đủ chủng loại thiết bị đào tạo đáp ứng yêu cầu của chương trình đào tạo. | 2 | 2 |
|  | Tiêu chuẩn 3: Đảm bảo đủ số lượng thiết bị đào tạo đáp ứng quy mô, yêu cầu đào tạo. | 2 | 2 |
|  | Tiêu chuẩn 4: Thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo được bố trí hợp lý, thuận tiện cho việc thực hành, đảm bảo các yêu cầu sư phạm, an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường; thiết bị đào tạo có hồ sơ quản lý rõ ràng, được sử dụng đúng công năng, quản lý, bảo trì, bảo dưỡng theo quy định. | 2 | 2 |
|  | Tiêu chuẩn 5: Nguyên, nhiên, vật liệu được bố trí sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp thuận tiện; được quản lý, cấp phát, sử dụng theo quy định; đáp ứng kế hoạch và tiến độ đào tạo. | 2 | 2 |
|  | Tiêu chuẩn 6: Thư viện có đủ chương trình, giáo trình đã được cơ sở đào tạo phê duyệt; mỗi loại giáo trình có tối thiểu 05 bản in và đáp ứng được nhu cầu nghiên cứu, học tập của nhà giáo và người học; có đủ sách, tạp chí, tài liệu tham khảo tối thiểu 05 đầu sách/người học; 100% chương trình, giáo trình được số hóa và tích hợp với thư viện điện tử phục vụ hiệu quả cho hoạt động đào tạo. | 2 | 1 |
|  | Tiêu chuẩn 7: Thư viện được trang bị máy tính và nối mạng internet đáp ứng nhu cầu dạy, học và tra cứu tài liệu. | 2 | 1 |
|  | Tiêu chuẩn 8: Có các phần mềm ảo mô phỏng thiết bị dạy học thực tế trong giảng dạy. | 2 | 2 |
| 6. | Tiêu chí 6 - Dịch vụ cho người học | 8 | 8 |
|  | Tiêu chuẩn 1: Người học được cung cấp đầy đủ thông tin về chương trình đào tạo; quy chế đào tạo; quy chế công tác học sinh, sinh viên; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp; nội quy, quy chế của cơ sở đào tạo và các chế độ, chính sách đối với người học. | 2 | 2 |
|  | Tiêu chuẩn 2: Người học được hưởng các chế độ, chính sách theo quy định; cơ sở đào tạo có chính sách và thực hiện chính sách khen thưởng, động viên khuyến khích kịp thời đối với người học đạt kết quả cao trong học tập và tư vấn, hỗ trợ kịp thời cho người học trong quá trình học tập. | 2 | 2 |
|  | Tiêu chuẩn 3: Hàng năm, tham gia cung cấp cho người học các thông tin về nghề nghiệp, thị trường lao động và việc làm; thực hiện trợ giúp, giới thiệu việc làm cho người học sau khi tốt nghiệp. | 2 | 2 |
|  | Tiêu chuẩn 4: Tham gia tổ chức đa dạng hóa các hoạt động xã hội, văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao cho người học. | 2 | 2 |
| 7. | Tiêu chí 7 - Giám sát, đánh giá chất lượng | 16 | 14 |
|  | Tiêu chuẩn 1: Hàng năm, thu thập ý kiến các đơn vị sử dụng lao động về mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp đang làm việc tại đơn vị sử dụng lao động và sự phù hợp của chương trình đào tạo với thực tiễn. | 2 | 2 |
|  | Tiêu chuẩn 2: Phối hợp điều tra đối với người tốt nghiệp để thu thập thông tin về việc làm, đánh giá về chất lượng đào tạo của nhà trường và sự phù hợp của chương trình đào tạo với vị trí việc làm của người tốt nghiệp. | 2 | 2 |
|  | Tiêu chuẩn 3: Hàng năm, thu thập ý kiến giảng viên, cán bộ quản lý về các nội dung liên quan đến công tác dạy và học, tuyển dụng, bổ nhiệm, bồi dưỡng, phân loại và đánh giá giảng viên, cán bộ quản lý của khoa. | 2 | 2 |
|  | Tiêu chuẩn 4: Hàng năm, thu thập ý kiến người học về chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo, chất lượng giảng dạy, việc thực hiện chế độ, chính sách và các dịch vụ đối với người học. | 2 | 1 |
|  | Tiêu chuẩn 5: Cơ sở đào tạo thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo theo quy định. | 2 | 2 |
|  | Tiêu chuẩn 6: Hàng năm, khoa có kế hoạch cụ thể và thực hiện cải thiện, nâng cao chất lượng chương trình đào tạo trên cơ sở kết quả tự đánh giá của nhà trường và kết quả đánh giá ngoài. | 2 | 2 |
|  | Tiêu chuẩn 7: Trong vòng 06 tháng kể từ khi tốt nghiệp, tối thiểu 80% người học có việc làm phù hợp với ngành, nghề đào tạo. | 2 | 1 |
|  | Tiêu chuẩn 8: Kết quả điều tra hài lòng với kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp của người tốt nghiệp làm việc tại đơn vị sử dụng lao động. | 2 | 2 |

**3. Tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo:**

- Số lượng CTĐT thực hiện tự đánh giá: 01

- Số lượng CTĐT tự đánh giá đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng: 01

- Tên ngành/nghề: Điện công nghiệp

- Trình độ: Cao đẳng

- Cấp độ: Quốc gia

*1.1 Thời gian thực hiện tự đánh giá*

a. Thời gian thực hiện tự đánh giá: từ 22/08/2023 đến 30/09/2023

b. Thời gian công bố báo cáo kết quả tự đánh giá: 20/12/2023

*1.2 Kết quả tự đánh giá*

a. Tổng số điểm tự đánh giá: 98

b. Tự đánh giá chất lượng: Đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng chương trình đào tạo

c. Bảng tổng hợp chi tiết điểm tự đánh giá chất lượng theo từng tiêu chí, tiêu chuẩn:

| TT | Tiêu chí, tiêu chuẩn | Điểm chuẩn | Tự đánh giá |
| --- | --- | --- | --- |
| ĐỀ XUẤT KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC | |  | Đạt tiêu  chuẩn kiểm định |
| TỔNG ĐIỂM | | 100 | 98 |
| 1 | Tiêu chí 1: Mục tiêu, quản lý và tài chính | 6 | 6 |
|  | Tiêu chuẩn 1.1: Mục tiêu của chương trình đào tạo phù hợp mục tiêu của cơ sở đào tạo và nhu cầu thị trường lao động, được công bố công khai và được rà soát, điều chỉnh theo quy định. | 2 | 2 |
| Tiêu chuẩn 1.2: Cơ sở đào tạo có văn bản giao nhiệm vụ cụ thể cho khoa/đơn vị phụ trách chương trình đào tạo và các đơn vị có liên quan đến việc thực hiện chương trình đào tạo; khoa/đơn vị phụ trách chương trình đào tạo hoàn thành các nhiệm vụ được giao liên quan đến chương trình đào tạo. | 2 | 2 |
|  | Tiêu chuẩn 1.3: Hàng năm, cơ sở đào tạo nghiên cứu, xác định định mức chi tối thiểu cho một người học, đảm bảo chất lượng của chương trình đào tạo và có đủ nguồn thu hợp pháp để thực hiện chương trình đào tạo. | 2 | 2 |
| 2 | Tiêu chí 2: Hoạt động đào tạo | 14 | 14 |
|  | Tiêu chuẩn 2.1: Hàng năm cơ sở đào tạo thực hiện công tác tuyển sinh theo quy định; kết quả tuyển sinh đạt tối thiểu 80% chỉ tiêu kế hoạch của cơ sở đào tạo. | 2 | 2 |
|  | Tiêu chuẩn 2.2: Cơ sở đào tạo có kế hoạch đào tạo theo quy định. | 2 | 2 |
|  | Tiêu chuẩn 2.3: Thực hiện phương pháp đào tạo phù hợp với nội dung chương trình đào tạo, kết hợp rèn luyện năng lực thực hành với trang bị kiến thức chuyên môn; phát huy tính tích cực, tự giác, năng động, khả năng làm việc độc lập, tổ chức làm việc theo nhóm của người học; thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin, truyền thông trong hoạt động dạy và học. | 2 | 2 |
|  | Tiêu chuẩn 2.4: Cơ sở đào tạo phối hợp với đơn vị sử dụng lao động trong việc tổ chức, hướng dẫn cho người học thực hành, thực tập tại đơn vị sử dụng lao động; 100% người học trước khi tốt nghiệp đều được thực hành tại đơn vị sử dụng lao động phù hợp với ngành, nghề đào tạo. | 2 | 2 |
|  | Tiêu chuẩn 2.5: Tổ chức kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng theo quy định; có hồ sơ người học đủ và đúng theo quy định. | 2 | 2 |
|  | Tiêu chuẩn 2.6: Tổ chức kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học theo quy định; sử dụng kết quả kiểm tra để kịp thời điều chỉnh các hoạt động dạy và học. | 2 | 2 |
|  | Tiêu chuẩn 2.7: Tổ chức đào tạo liên thông theo quy định. | 2 | 2 |
| 3 | Tiêu chí 3: Nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên | 16 | 14 |
|  | Tiêu chuẩn 3.1: 100% nhà giáo tham gia giảng dạy đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định. | 2 | 0 |
|  | Tiêu chuẩn 3.2: Hàng năm 100% nhà giáo hoàn thành các nhiệm vụ do cơ sở đào tạo giao. | 2 | 2 |
|  | Tiêu chuẩn 3.3: Đảm bảo tất cả các môn học, mô đun thuộc chương trình đào tạo có đủ nhà giáo đứng lớp; đảm bảo tỉ lệ quy đổi người học/nhà giáo theo quy định. | 2 | 2 |
|  | Tiêu chuẩn 3.4: Hàng năm, tối thiểu 50% nhà giáo cơ hữu dạy các môn chuyên môn ngành, nghề tham gia nghiên cứu khoa học, các hội thi nhà giáo dạy giỏi, hội thi thiết bị tự làm các cấp. | 2 | 2 |
|  | Tiêu chuẩn 3.5: Hằng năm, cơ sở đào tạo tổ chức cho nhà giáo cơ hữu tham gia các khóa học tập, bồi dưỡng. | 2 | 2 |
|  | Tiêu chuẩn 3.6: 100% nhà giáo cơ hữu đi thực tập tại các đơn vị sử dụng lao động theo quy định. | 2 | 2 |
|  | Tiêu chuẩn 3.7: 100% cán bộ quản lý và nhân viên đạt chuẩn về chuyên môn nghiệp vụ theo quy định. | 2 | 2 |
|  | Tiêu chuẩn 3.8: Hàng năm, 100% cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành các nhiệm vụ do cơ sở đào tạo giao. | 2 | 2 |
| 4 | Tiêu chí 4: Chương trình, giáo trình | 24 | 22 |
|  | Tiêu chuẩn 4.1: Chương trình đào tạo được xây dựng hoặc lựa chọn, thẩm định, ban hành, đánh giá và cập nhật theo quy định. | 2 | 2 |
|  | Tiêu chuẩn 4.2: Có sự tham gia của ít nhất 02 đơn vị sử dụng lao động trong quá trình xây dựng và thẩm định chương trình đào tạo. | 2 | 2 |
|  | Tiêu chuẩn 4.3: Chương trình đào tạo thể hiện được khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp. | 2 | 2 |
|  | Tiêu chuẩn 4.4: Chương trình đào tạo thể hiện được sự phân bổ thời gian, trình tự thực hiện các môđun, môn học để đảm bảo thực hiện được mục tiêu giáo dục nghề nghiệp. | 2 | 2 |
|  | Tiêu chuẩn 4.5: Chương trình đào tạo thể hiện được những yêu cầu tối thiểu về cơ sở vật chất, đội ngũ giáo viên để triển khai thực hiện chương trình đào tạo nhằm đảm bảo chất lượng đào tạo. | 2 | 2 |
|  | Tiêu chuẩn 4.6: Chương trình đào tạo thực hiện được phương pháp đánh giá kết quả học tập, xác định mức độ đạt yêu cầu về năng lực của người học sau khi học xong môn học, mô đun của chương trình đào tạo. | 2 | 2 |
|  | Tiêu chuẩn 4.7: Chương trình đào tạo đảm bảo phù hợp với yêu cầu phát triển của ngành, địa phương và đất nước, phù hợp với kỹ thuật công nghệ trong sản xuất dịch vụ. | 2 | 2 |
|  | Tiêu chuẩn 4.8: Chương trình đào tạo đảm bảo việc liên thông giữa các trình độ đào tạo trong hệ thống giáo dục quốc dân. | 2 | 0 |
|  | Tiêu chuẩn 4.9: Có đủ giáo trình cho các mô-đun, môn học của chương trình đào tạo. | 2 | 2 |
|  | Tiêu chuẩn 4.10: 100% giáo trình được biên soạn hoặc lựa chọn, thẩm định, ban hành, đánh giá và cập nhật theo quy định. | 2 | 2 |
|  | Tiêu chuẩn 4.11: Giáo trình cụ thể hóa yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng của từng môđun, môn học trong chương trình đào tạo; nội dung giáo trình phù hợp để thực hiện phương pháp dạy học tích cực. | 2 | 2 |
|  | Tiêu chuẩn 4.12: Nội dung giáo trình đảm bảo phù  hợp với công nghệ trong sản xuất, kinh doanh, dịch vụ. | 2 | 2 |
| 5 | Tiêu chí 5: Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và thư viện | 16 | 16 |
|  | Tiêu chuẩn 5.1: Phòng học, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, hệ thống điện, nước đảm bảo quy chuẩn xây dựng và yêu cầu đào tạo. | 2 | 2 |
|  | Tiêu chuẩn 5.2: Đảm bảo đủ chủng loại, thiết bị đào tạo đáp ứng yêu cầu của trình độ đào tạo. | 2 | 2 |
|  | Tiêu chuẩn 5.3: Đảm bảo đủ số lượng thiết bị đào tạo đáp ứng quy mô, yêu cầu đào tạo. | 2 | 2 |
|  | Tiêu chuẩn 5.4: Thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo được bố trí hợp lý, thuận tiện cho việc thực hành; đảm bảo các yêu cầu sư phạm, an toàn vệ sinh lao động, vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường; Thiết bị đào tạo có hồ sơ quản lý rõ ràng, được sử dụng đúng công năng, quản lý, bảo trì, bảo dưỡng theo quy định. | 2 | 2 |
|  | Tiêu chuẩn 5.5: Nguyên, nhiên, vật liệu được bố trí sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp, thuận tiện: được quản lý, cấp phát sử dụng theo quy định; đáp ứng kế hoạch và tiến độ đào tạo. | 2 | 2 |
|  | Tiêu chuẩn 5.6: Thư viện có đủ chương trình, giáo trình đã được cơ sở đào tạo phê duyệt; mỗi loại giáo trình có tối thiểu 05 bản in và đáp ứng được nhu cầu nghiên cứu, học tập của nhà giáo và người học; có đủ sách tạp chí, tài liệu tham khảo tối thiểu 05 đầu sách/người học; 100% chương trình, giáo trình được số hóa và tích hợp với thư viện điện tử phục vụ hiệu quả cho hoạt động đào tạo. | 2 | 2 |
|  | Tiêu chuẩn 5.7: Thư viện được trang bị máy tính và nối mạng Internet đáp ứng nhu cầu dạy, học và tra cứu tài liệu. | 2 | 0 |
|  | Tiêu chuẩn 5.8: Có các phần mềm ảo mô phỏng thiết bị dạy học thực tế trong giảng dạy. | 2 | 2 |
| 6 | Tiêu chí 6: Dịch vụ cho người học | 8 | 8 |
|  | Tiêu chuẩn 6.1: Người học được cung cấp đầy đủ thông tin về chương trình đào tạo; quy chế đào tạo; quy chế công tác học sinh, sinh viên; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp; nội quy, quy chế của cơ sở đào tạo và các chế độ, chính sách đối với người học. | 2 | 2 |
|  | Tiêu chuẩn 6.2: Người học được hưởng các chế độ, chính sách theo quy định; cơ sở đào tạo có chính sách và thực hiện chính sách khen thưởng, động viên khuyến khích kịp thời đối với người học đạt kết quả cao trong học tập và tư vấn, hỗ trợ kịp thời cho người học trong quá trình học tập. | 2 | 2 |
|  | Tiêu chuẩn 6.3: Hàng năm cơ sở đào tạo cung cấp cho người học các thông tin về nghề nghiệp, thị trường lao động và việc làm; thực hiện trợ giúp giới thiệu việc làm cho người học sau khi tốt nghiệp. | 2 | 2 |
|  | Tiêu chuẩn 6.4: Cơ sở đào tạo thực hiện đa dạng hóa các hoạt động xã hội, văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao cho người học. | 2 | 2 |
| 7 | Tiêu chí 7: Giám sát, đánh giá chất lượng | 16 | 16 |
|  | Tiêu chuẩn 7.1: Hằng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 10 đơn vị sử dụng lao động về mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp làm việc tại đơn vị sử dụng lao động và sự phù hợp của chương trình đào tạo với thực tiễn sản xuất kinh doanh dịch vụ. | 2 | 2 |
|  | Tiêu chuẩn 7.2: Thực hiện điều tra lần vết đối với người tốt nghiệp để thu thập thông tin về việc làm, đánh giá về chất lượng đào tạo và sự phù hợp của chương trình đào tạo với vị trí việc làm của người tốt nghiệp | 2 | 2 |
|  | Tiêu chuẩn 7.3: Hằng năm thu thập ý kiến tối thiểu 50% nhà giáo, cán bộ quản lý về các nội dung liên quan đến công tác dạy và học, tuyển dụng lao động, bổ nhiệm, bồi dưỡng, phân loại và đánh giá nhà giáo, cán bộ quản lý. | 2 | 2 |
|  | Tiêu chuẩn 7.4: Hàng năm thu thập ý kiến tối thiểu 30% người học về chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo, chất lượng giảng dạy, việc thực hiện chế độ chính sách và các dịch vụ đối với người học. | 2 | 2 |
|  | Tiêu chuẩn 7.5: Cơ sở đào tạo thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo theo quy định. | 2 | 2 |
|  | Tiêu chuẩn 7.6: Hàng năm cơ sở đào tạo có kế hoạch cụ thể và thực hiện cải thiện, nâng cao chất lượng chương trình đào tạo trên cơ sở kết quả tự đánh giá của cơ sở đào tạo và kết quả đánh giá ngoài. | 2 | 2 |
|  | Tiêu chuẩn 7.7: Trong vòng 06 tháng kể từ khi tốt nghiệp, tối thiểu 80% người học có việc làm phù hợp với ngành, nghề đào tạo. | 2 | 2 |
|  | Tiêu chuẩn 7.8: Tối thiểu 80% đơn vị sử dụng lao động được điều tra hài lòng với kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp làm việc tại đơn vị sử dụng lao động. | 2 | 2 |

**4. Tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo:**

- Số lượng CTĐT thực hiện tự đánh giá: 01

- Số lượng CTĐT tự đánh giá đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng: 01

- Tên ngành/nghề: Kỹ thuật Chế biến món ăn

- Trình độ: Cao đẳng

- Cấp độ: Quốc gia

*1.1 Thời gian thực hiện tự đánh giá*

a. Thời gian thực hiện tự đánh giá: từ 22/09/2023 đến 21/10/2023

b. Thời gian công bố báo cáo kết quả tự đánh giá: 20/12/2023

*1.2 Kết quả tự đánh giá*

a. Tổng số điểm tự đánh giá: 94

b. Tự đánh giá chất lượng: Đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng chương trình đào tạo

c. Bảng tổng hợp chi tiết điểm tự đánh giá chất lượng theo từng tiêu chí, tiêu chuẩn:

| TT | Tiêu chí, tiêu chuẩn, | Điểm chuẩn | Tự đánh giá |
| --- | --- | --- | --- |
|  | ĐỀ XUẤT CẤP ĐỘ ĐẠT ĐƯỢC |  | Đạt tiêu chuẩn kiểm định |
|  | Tổng điểm | 100 | 94 |
| 1 | Tiêu chí 1: Mục tiêu, quản lý và tài chính | 6 | 6 |
|  | Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu của chương trình đào tạo phù hợp mục tiêu của cơ sở đào tạo và nhu cầu thị trường lao động, được công bố công khai và được rà soát, điều chỉnh theo quy định. | 2 | 2 |
|  | Tiêu chuẩn 2: Cơ sở đào tạo có văn bản giao nhiệm vụ cụ thể cho khoa/đơn vị phụ trách chương trình đào tạo và các đơn vị có liên quan đến việc thực hiện chương trình đào tạo; khoa/đơn vị phụ trách chương trình đào tạo hoàn thành các nhiệm vụ được giao liên quan đến chương trình đào tạo. | 2 | 2 |
|  | Tiêu chuẩn 3: Hàng năm, cơ sở đào tạo nghiên cứu, xác định định mức chi tối thiểu cho một người học, đảm bảo chất lượng của chương trình đào tạo và có đủ nguồn thu hợp pháp để thực hiện chương trình đào tạo. | 2 | 2 |
| 2 | Tiêu chí 2 - Hoạt động đào tạo | 14 | 12 |
|  | Tiêu chuẩn 1: Hàng năm, cơ sở đào tạo thực hiện công tác tuyển sinh theo quy định; kết quả tuyển sinh đạt tối thiểu 80% chỉ tiêu theo kế hoạch của cơ sở đào tạo. | 2 | 1 |
|  | Tiêu chuẩn 2: Cơ sở đào tạo có kế hoạch đào tạo và tổ chức đào tạo theo quy định. | 2 | 2 |
|  | Tiêu chuẩn 3: Thực hiện phương pháp đào tạo phù hợp với nội dung chương trình đào tạo, kết hợp rèn luyện năng lực thực hành với trang bị kiến thức chuyên môn; phát huy tính tích cực, tự giác, năng động, khả năng làm việc độc lập, tổ chức làm việc theo nhóm của người học; thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin, truyền thông trong hoạt động dạy và học. | 2 | 2 |
|  | Tiêu chuẩn 4: Cơ sở đào tạo phối hợp với đơn vị sử dụng lao động trong việc tổ chức, hướng dẫn cho người học thực hành, thực tập tại đơn vị sử dụng lao động; 100% người học trước khi tốt nghiệp đều được thực hành tại đơn vị sử dụng lao động phù hợp với ngành, nghề đào tạo. | 2 | 1 |
|  | Tiêu chuẩn 5: Tổ chức kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng theo quy định; có hồ sơ người học đủ và đúng theo quy định. | 2 | 2 |
|  | Tiêu chuẩn 6: Tổ chức kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học theo quy định; sử dụng kết quả kiểm tra để kịp thời điều chỉnh các hoạt động dạy và học cho phù hợp. | 2 | 2 |
|  | Tiêu chuẩn 7: Tổ chức đào tạo liên thông theo quy định. | 2 | 2 |
| 3 | Tiêu chí 3 - Nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên | 16 | 16 |
|  | Tiêu chuẩn 1: 100% nhà giáo tham gia giảng dạy đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định. | 2 | 2 |
|  | Tiêu chuẩn 2: Hàng năm, 100% nhà giáo hoàn thành các nhiệm vụ do cơ sở đào tạo giao. | 2 | 2 |
|  | Tiêu chuẩn 3: Đảm bảo tất cả các mô-đun, môn học thuộc chương trình đào tạo có đủ nhà giáo đứng lớp; đảm bảo tỉ lệ số người học/lớp và tỉ lệ quy đổi người học/nhà giáo theo quy định. | 2 | 2 |
|  | Tiêu chuẩn 4: Hàng năm, tối thiểu 50% nhà giáo cơ hữu dạy các môn chuyên môn ngành, nghề tham gia nghiên cứu khoa học, các hội thi nhà giáo dạy giỏi, hội thi thiết bị tự làm các cấp. | 2 | 2 |
|  | Tiêu chuẩn 5: Hàng năm, cơ sở đào tạo tổ chức cho nhà giáo cơ hữu tham gia các khóa học tập, bồi dưỡng. | 2 | 2 |
|  | Tiêu chuẩn 6: 100% nhà giáo cơ hữu đi thực tập tại các đơn vị sử dụng lao động theo quy định. | 2 | 2 |
|  | Tiêu chuẩn 7: 100% cán bộ quản lý và nhân viên đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định. | 2 | 2 |
|  | Tiêu chuẩn 8: Hàng năm, 100% cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành các nhiệm vụ do cơ sở đào tạo giao. | 2 | 2 |
| 4 | Tiêu chí 4 - Chương trình, giáo trình | 24 | 22 |
|  | Tiêu chuẩn 1: Chương trình đào tạo được xây dựng hoặc lựa chọn, thẩm định, ban hành, đánh giá và cập nhật theo quy định. | 2 | 2 |
|  | Tiêu chuẩn 2: Có sự tham gia của ít nhất 02 đơn vị sử dụng lao động trong quá trình xây dựng và thẩm định chương trình đào tạo. | 2 | 2 |
|  | Tiêu chuẩn 3: Chương trình đào tạo thể hiện được khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp. | 2 | 2 |
|  | Tiêu chuẩn 4: Chương trình đào tạo thể hiện được sự phân bổ thời gian, trình tự thực hiện các mô-đun, môn học để đảm bảo thực hiện được mục tiêu giáo dục nghề nghiệp. | 2 | 2 |
|  | Tiêu chuẩn 5: Chương trình đào tạo thể hiện được những yêu cầu tối thiểu về cơ sở vật chất, đội ngũ giáo viên để triển khai thực hiện chương trình đào tạo nhằm đảm bảo chất lượng đào tạo. | 2 | 1 |
|  | Tiêu chuẩn 6: Chương trình đào tạo thể hiện được phương pháp đánh giá kết quả học tập, xác định mức độ đạt yêu cầu về năng lực của người học sau khi học xong các mô-đun, môn học của chương trình đào tạo. | 2 | 2 |
|  | Tiêu chuẩn 7: Chương trình đào tạo đảm bảo phù hợp với yêu cầu phát triển của ngành, địa phương và đất nước, phù hợp với kỹ thuật công nghệ trong sản xuất, dịch vụ. | 2 | 2 |
|  | Tiêu chuẩn 8: Chương trình đào tạo đảm bảo việc liên thông giữa các trình độ đào tạo trong hệ thống giáo dục quốc dân. | 2 | 2 |
|  | Tiêu chuẩn 9: Có đủ giáo trình cho các mô-đun, môn học của chương trình đào tạo. | 2 | 2 |
|  | Tiêu chuẩn 10: 100% giáo trình được biên soạn hoặc lựa chọn, thẩm định, ban hành, đánh giá và cập nhật theo quy định. | 2 | 2 |
|  | Tiêu chuẩn 11: Giáo trình cụ thể hóa yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng của từng mô-đun, môn học trong chương trình đào tạo; nội dung giáo trình phù hợp để thực hiện phương pháp dạy học tích cực. | 2 | 1 |
|  | Tiêu chuẩn 12: Nội dung giáo trình đảm bảo phù hợp với công nghệ trong sản xuất, kinh doanh, dịch vụ. | 2 | 2 |
| 5 | Tiêu chí 5 - Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và thư viện | 16 | 12 |
|  | Tiêu chuẩn 1: Phòng học, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, hệ thống điện, nước đảm bảo quy chuẩn xây dựng và yêu cầu đào tạo. | 2 | 2 |
|  | Tiêu chuẩn 2: Đảm bảo đủ chủng loại thiết bị đào tạo đáp ứng yêu cầu của chương trình đào tạo. | 2 | 2 |
|  | Tiêu chuẩn 3: Đảm bảo đủ số lượng thiết bị đào tạo đáp ứng quy mô, yêu cầu đào tạo. | 2 | 2 |
|  | Tiêu chuẩn 4: Thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo được bố trí hợp lý, thuận tiện cho việc thực hành, đảm bảo các yêu cầu sư phạm, an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường; thiết bị đào tạo có hồ sơ quản lý rõ ràng, được sử dụng đúng công năng, quản lý, bảo trì, bảo dưỡng theo quy định. | 2 | 2 |
|  | Tiêu chuẩn 5: Nguyên, nhiên, vật liệu được bố trí sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp thuận tiện; được quản lý, cấp phát, sử dụng theo quy định; đáp ứng kế hoạch và tiến độ đào tạo. | 2 | 2 |
|  | Tiêu chuẩn 6: Thư viện có đủ chương trình, giáo trình đã được cơ sở đào tạo phê duyệt; mỗi loại giáo trình có tối thiểu 05 bản in và đáp ứng được nhu cầu nghiên cứu, học tập của nhà giáo và người học; có đủ sách, tạp chí, tài liệu tham khảo tối thiểu 05 đầu sách/người học; 100% chương trình, giáo trình được số hóa và tích hợp với thư viện điện tử phục vụ hiệu quả cho hoạt động đào tạo. | 2 | 2 |
|  | Tiêu chuẩn 7: Thư viện được trang bị máy tính và nối mạng internet đáp ứng nhu cầu dạy, học và tra cứu tài liệu. | 2 | 2 |
|  | Tiêu chuẩn 8: Có các phần mềm ảo mô phỏng thiết bị dạy học thực tế trong giảng dạy. | 2 | 2 |
| 6 | Tiêu chí 6 - Dịch vụ cho người học | 8 | 7 |
|  | Tiêu chuẩn 1: Người học được cung cấp đầy đủ thông tin về chương trình đào tạo; quy chế đào tạo; quy chế công tác học sinh, sinh viên; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp; nội quy, quy chế của cơ sở đào tạo và các chế độ, chính sách đối với người học. | 2 | 2 |
|  | Tiêu chuẩn 2: Người học được hưởng các chế độ, chính sách theo quy định; cơ sở đào tạo có chính sách và thực hiện chính sách khen thưởng, động viên khuyến khích kịp thời đối với người học đạt kết quả cao trong học tập và tư vấn, hỗ trợ kịp thời cho người học trong quá trình học tập. | 2 | 1 |
|  | Tiêu chuẩn 3: Hàng năm, cơ sở đào tạo cung cấp cho người học các thông tin về nghề nghiệp, thị trường lao động và việc làm; thực hiện trợ giúp, giới thiệu việc làm cho người học sau khi tốt nghiệp. | 2 | 2 |
|  | Tiêu chuẩn 4: Cơ sở đào tạo thực hiện đa dạng hóa các hoạt động xã hội, văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao cho người học. | 2 | 2 |
| 7 | Tiêu chí 7 - Giám sát, đánh giá chất lượng | 16 | 16 |
|  | Tiêu chuẩn 1: Hàng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 10 đơn vị sử dụng lao động về mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp đang làm việc tại đơn vị sử dụng lao động và sự phù hợp của chương trình đào tạo với thực tiễn sản xuất, kinh doanh, dịch vụ. | 2 | 2 |
|  | Tiêu chuẩn 2: Thực hiện điều tra lần vết đối với người tốt nghiệp để thu thập thông tin về việc làm, đánh giá về chất lượng đào tạo của cơ sở đào tạo và sự phù hợp của chương trình đào tạo với vị trí việc làm của người tốt nghiệp. | 2 | 2 |
|  | Tiêu chuẩn 3: Hàng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 50% nhà giáo, cán bộ quản lý về các nội dung liên quan đến công tác dạy và học, tuyển dụng, bổ nhiệm, bồi dưỡng, phân loại và đánh giá nhà giáo, cán bộ quản lý. | 2 | 2 |
|  | Tiêu chuẩn 4: Hàng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 30% người học về chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo, chất lượng giảng dạy, việc thực hiện chế độ, chính sách và các dịch vụ đối với người học. | 2 | 2 |
|  | Tiêu chuẩn 5: Cơ sở đào tạo thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo theo quy định. | 2 | 2 |
|  | Tiêu chuẩn 6: Hàng năm, cơ sở đào tạo có kế hoạch cụ thể và thực hiện cải thiện, nâng cao chất lượng chương trình đào tạo trên cơ sở kết quả tự đánh giá của cơ sở đào tạo và kết quả đánh giá ngoài (nếu có). | 2 | 2 |
|  | Tiêu chuẩn 7: Trong vòng 06 tháng kể từ khi tốt nghiệp, tối thiểu 80% người học có việc làm phù hợp với ngành, nghề đào tạo. | 2 | 2 |
|  | Tiêu chuẩn 8: Tối thiểu 80% đơn vị sử dụng lao động được điều tra hài lòng với kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp của người tốt nghiệp làm việc tại đơn vị sử dụng lao động. | 2 | 2 |

**5. Tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo:**

- Số lượng CTĐT thực hiện tự đánh giá: 01

- Số lượng CTĐT tự đánh giá đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng: 01

- Tên ngành/nghề: May thời trang

- Trình độ: Cao đẳng

- Cấp độ: Quốc gia

*1.1 Thời gian thực hiện tự đánh giá*

a. Thời gian thực hiện tự đánh giá: từ 10/10/2023 đến 04/11/2023

b. Thời gian công bố báo cáo kết quả tự đánh giá: 20/12/2023

*1.2 Kết quả tự đánh giá*

a. Tổng số điểm tự đánh giá: 94

b. Tự đánh giá chất lượng: Đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng chương trình đào tạo

c. Bảng tổng hợp chi tiết điểm tự đánh giá chất lượng theo từng tiêu chí, tiêu chuẩn:

| TT | Tiêu chí, tiêu chuẩn, | Điểm chuẩn | Tự đánh giá |
| --- | --- | --- | --- |
|  | ĐỀ XUẤT CẤP ĐỘ ĐẠT ĐƯỢC |  | Đạt tiêu chuẩn kiểm định |
|  | Tổng điểm | 100 | 94 |
| 1. | Tiêu chí 1: Mục tiêu, quản lý và tài chính | 6 | 6 |
|  | Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu của chương trình đào tạo phù hợp mục tiêu của cơ sở đào tạo và nhu cầu thị trường lao động, được công bố công khai và được rà soát, điều chỉnh theo quy định. | 2 | 2 |
|  | Tiêu chuẩn 2: Cơ sở đào tạo có văn bản giao nhiệm vụ cụ thể cho khoa/đơn vị phụ trách chương trình đào tạo và các đơn vị có liên quan đến việc thực hiện chương trình đào tạo; khoa/đơn vị phụ trách chương trình đào tạo hoàn thành các nhiệm vụ được giao liên quan đến chương trình đào tạo. | 2 | 2 |
|  | Tiêu chuẩn 3: Hàng năm, cơ sở đào tạo nghiên cứu, xác định định mức chi tối thiểu cho một người học, đảm bảo chất lượng của chương trình đào tạo và có đủ nguồn thu hợp pháp để thực hiện chương trình đào tạo. | 2 | 2 |
| 2. | Tiêu chí 2 - Hoạt động đào tạo | 14 | 12 |
|  | Tiêu chuẩn 1: Hàng năm, cơ sở đào tạo thực hiện công tác tuyển sinh theo quy định; kết quả tuyển sinh đạt tối thiểu 80% chỉ tiêu theo kế hoạch của cơ sở đào tạo. | 2 | 1 |
|  | Tiêu chuẩn 2: Cơ sở đào tạo có kế hoạch đào tạo và tổ chức đào tạo theo quy định. | 2 | 1 |
|  | Tiêu chuẩn 3: Thực hiện phương pháp đào tạo phù hợp với nội dung chương trình đào tạo, kết hợp rèn luyện năng lực thực hành với trang bị kiến thức chuyên môn; phát huy tính tích cực, tự giác, năng động, khả năng làm việc độc lập, tổ chức làm việc theo nhóm của người học; thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin, truyền thông trong hoạt động dạy và học. | 2 | 2 |
|  | Tiêu chuẩn 4: Cơ sở đào tạo phối hợp với đơn vị sử dụng lao động trong việc tổ chức, hướng dẫn cho người học thực hành, thực tập tại đơn vị sử dụng lao động; 100% người học trước khi tốt nghiệp đều được thực hành tại đơn vị sử dụng lao động phù hợp với ngành, nghề đào tạo. | 2 | 2 |
|  | Tiêu chuẩn 5: Tổ chức kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng theo quy định; có hồ sơ người học đủ và đúng theo quy định. | 2 | 2 |
|  | Tiêu chuẩn 6: Tổ chức kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học theo quy định; sử dụng kết quả kiểm tra để kịp thời điều chỉnh các hoạt động dạy và học cho phù hợp. | 2 | 2 |
|  | Tiêu chuẩn 7: Tổ chức đào tạo liên thông theo quy định. | 2 | 2 |
| 3. | Tiêu chí 3 - Nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên | 16 | 14 |
|  | Tiêu chuẩn 1: 100% nhà giáo tham gia giảng dạy đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định. | 2 | 2 |
|  | Tiêu chuẩn 2: Hàng năm, 100% nhà giáo hoàn thành các nhiệm vụ do cơ sở đào tạo giao. | 2 | 2 |
|  | Tiêu chuẩn 3: Đảm bảo tất cả các mô-đun, môn học thuộc chương trình đào tạo có đủ nhà giáo đứng lớp; đảm bảo tỉ lệ số người học/lớp và tỉ lệ quy đổi người học/nhà giáo theo quy định. | 2 | 0 |
|  | Tiêu chuẩn 4: Hàng năm, tối thiểu 50% nhà giáo cơ hữu dạy các môn chuyên môn ngành, nghề tham gia nghiên cứu khoa học, các hội thi nhà giáo dạy giỏi, hội thi thiết bị tự làm các cấp. | 2 | 2 |
|  | Tiêu chuẩn 5: Hàng năm, cơ sở đào tạo tổ chức cho nhà giáo cơ hữu tham gia các khóa học tập, bồi dưỡng. | 2 | 2 |
|  | Tiêu chuẩn 6: 100% nhà giáo cơ hữu đi thực tập tại các đơn vị sử dụng lao động theo quy định. | 2 | 2 |
|  | Tiêu chuẩn 7: 100% cán bộ quản lý và nhân viên đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định. | 2 | 2 |
|  | Tiêu chuẩn 8: Hàng năm, 100% cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành các nhiệm vụ do cơ sở đào tạo giao. | 2 | 2 |
| 4. | Tiêu chí 4 - Chương trình, giáo trình | 24 | 24 |
|  | Tiêu chuẩn 1: Chương trình đào tạo được xây dựng hoặc lựa chọn, thẩm định, ban hành, đánh giá và cập nhật theo quy định. | 2 | 2 |
|  | Tiêu chuẩn 2: Có sự tham gia của ít nhất 02 đơn vị sử dụng lao động trong quá trình xây dựng và thẩm định chương trình đào tạo. | 2 | 2 |
|  | Tiêu chuẩn 3: Chương trình đào tạo thể hiện được khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp. | 2 | 2 |
|  | Tiêu chuẩn 4: Chương trình đào tạo thể hiện được sự phân bổ thời gian, trình tự thực hiện các mô-đun, môn học để đảm bảo thực hiện được mục tiêu giáo dục nghề nghiệp. | 2 | 2 |
|  | Tiêu chuẩn 5: Chương trình đào tạo thể hiện được những yêu cầu tối thiểu về cơ sở vật chất, đội ngũ giáo viên để triển khai thực hiện chương trình đào tạo nhằm đảm bảo chất lượng đào tạo. | 2 | 2 |
|  | Tiêu chuẩn 6: Chương trình đào tạo thể hiện được phương pháp đánh giá kết quả học tập, xác định mức độ đạt yêu cầu về năng lực của người học sau khi học xong các mô-đun, môn học của chương trình đào tạo. | 2 | 2 |
|  | Tiêu chuẩn 7: Chương trình đào tạo đảm bảo phù hợp với yêu cầu phát triển của ngành, địa phương và đất nước, phù hợp với kỹ thuật công nghệ trong sản xuất, dịch vụ. | 2 | 2 |
|  | Tiêu chuẩn 8: Chương trình đào tạo đảm bảo việc liên thông giữa các trình độ đào tạo trong hệ thống giáo dục quốc dân. | 2 | 2 |
|  | Tiêu chuẩn 9: Có đủ giáo trình cho các mô-đun, môn học của chương trình đào tạo. | 2 | 2 |
|  | Tiêu chuẩn 10: 100% giáo trình được biên soạn hoặc lựa chọn, thẩm định, ban hành, đánh giá và cập nhật theo quy định. | 2 | 2 |
|  | Tiêu chuẩn 11: Giáo trình cụ thể hóa yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng của từng mô-đun, môn học trong chương trình đào tạo; nội dung giáo trình phù hợp để thực hiện phương pháp dạy học tích cực. | 2 | 2 |
|  | Tiêu chuẩn 12: Nội dung giáo trình đảm bảo phù hợp với công nghệ trong sản xuất, kinh doanh, dịch vụ. | 2 | 2 |
| 5. | Tiêu chí 5 - Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và thư viện | 16 | 12 |
|  | Tiêu chuẩn 1: Phòng học, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, hệ thống điện, nước đảm bảo quy chuẩn xây dựng và yêu cầu đào tạo. | 2 | 2 |
|  | Tiêu chuẩn 2: Đảm bảo đủ chủng loại thiết bị đào tạo đáp ứng yêu cầu của chương trình đào tạo. | 2 | 2 |
|  | Tiêu chuẩn 3: Đảm bảo đủ số lượng thiết bị đào tạo đáp ứng quy mô, yêu cầu đào tạo. | 2 | 2 |
|  | Tiêu chuẩn 4: Thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo được bố trí hợp lý, thuận tiện cho việc thực hành, đảm bảo các yêu cầu sư phạm, an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường; thiết bị đào tạo có hồ sơ quản lý rõ ràng, được sử dụng đúng công năng, quản lý, bảo trì, bảo dưỡng theo quy định. | 2 | 2 |
|  | Tiêu chuẩn 5: Nguyên, nhiên, vật liệu được bố trí sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp thuận tiện; được quản lý, cấp phát, sử dụng theo quy định; đáp ứng kế hoạch và tiến độ đào tạo. | 2 | 2 |
|  | Tiêu chuẩn 6: Thư viện có đủ chương trình, giáo trình đã được cơ sở đào tạo phê duyệt; mỗi loại giáo trình có tối thiểu 05 bản in và đáp ứng được nhu cầu nghiên cứu, học tập của nhà giáo và người học; có đủ sách, tạp chí, tài liệu tham khảo tối thiểu 05 đầu sách/người học; 100% chương trình, giáo trình được số hóa và tích hợp với thư viện điện tử phục vụ hiệu quả cho hoạt động đào tạo. | 2 | 0 |
|  | Tiêu chuẩn 7: Thư viện được trang bị máy tính và nối mạng internet đáp ứng nhu cầu dạy, học và tra cứu tài liệu. | 2 | 0 |
|  | Tiêu chuẩn 8: Có các phần mềm ảo mô phỏng thiết bị dạy học thực tế trong giảng dạy. | 2 | 2 |
| 6. | Tiêu chí 6 - Dịch vụ cho người học | 8 | 8 |
|  | Tiêu chuẩn 1: Người học được cung cấp đầy đủ thông tin về chương trình đào tạo; quy chế đào tạo; quy chế công tác học sinh, sinh viên; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp; nội quy, quy chế của cơ sở đào tạo và các chế độ, chính sách đối với người học. | 2 | 2 |
|  | Tiêu chuẩn 2: Người học được hưởng các chế độ, chính sách theo quy định; cơ sở đào tạo có chính sách và thực hiện chính sách khen thưởng, động viên khuyến khích kịp thời đối với người học đạt kết quả cao trong học tập và tư vấn, hỗ trợ kịp thời cho người học trong quá trình học tập. | 2 | 2 |
|  | Tiêu chuẩn 3: Hàng năm, cơ sở đào tạo cung cấp cho người học các thông tin về nghề nghiệp, thị trường lao động và việc làm; thực hiện trợ giúp, giới thiệu việc làm cho người học sau khi tốt nghiệp. | 2 | 2 |
|  | Tiêu chuẩn 4: Cơ sở đào tạo thực hiện đa dạng hóa các hoạt động xã hội, văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao cho người học. | 2 | 2 |
| 7. | Tiêu chí 7 - Giám sát, đánh giá chất lượng | 16 | 16 |
|  | Tiêu chuẩn 1: Hàng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 10 đơn vị sử dụng lao động về mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp đang làm việc tại đơn vị sử dụng lao động và sự phù hợp của chương trình đào tạo với thực tiễn sản xuất, kinh doanh, dịch vụ. | 2 | 2 |
|  | Tiêu chuẩn 2: Thực hiện điều tra lần vết đối với người tốt nghiệp để thu thập thông tin về việc làm, đánh giá về chất lượng đào tạo của cơ sở đào tạo và sự phù hợp của chương trình đào tạo với vị trí việc làm của người tốt nghiệp. | 2 | 2 |
|  | Tiêu chuẩn 3: Hàng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 50% nhà giáo, cán bộ quản lý về các nội dung liên quan đến công tác dạy và học, tuyển dụng, bổ nhiệm, bồi dưỡng, phân loại và đánh giá nhà giáo, cán bộ quản lý. | 2 | 2 |
|  | Tiêu chuẩn 4: Hàng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 30% người học về chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo, chất lượng giảng dạy, việc thực hiện chế độ, chính sách và các dịch vụ đối với người học. | 2 | 2 |
|  | Tiêu chuẩn 5: Cơ sở đào tạo thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo theo quy định. | 2 | 2 |
|  | Tiêu chuẩn 6: Hàng năm, cơ sở đào tạo có kế hoạch cụ thể và thực hiện cải thiện, nâng cao chất lượng chương trình đào tạo trên cơ sở kết quả tự đánh giá của cơ sở đào tạo và kết quả đánh giá ngoài (nếu có). | 2 | 2 |
|  | Tiêu chuẩn 7: Trong vòng 06 tháng kể từ khi tốt nghiệp, tối thiểu 80% người học có việc làm phù hợp với ngành, nghề đào tạo. | 2 | 2 |
|  | Tiêu chuẩn 8: Tối thiểu 80% đơn vị sử dụng lao động được điều tra hài lòng với kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp của người tốt nghiệp làm việc tại đơn vị sử dụng lao động. | 2 | 2 |

**6. Tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo:**

- Số lượng CTĐT thực hiện tự đánh giá: 03

- Số lượng CTĐT tự đánh giá đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng: 03

- Tên ngành/nghề: Bộ môn chung

- Trình độ: Cao đẳng

- Cấp độ: Quốc gia

*1.1 Thời gian thực hiện tự đánh giá*

a. Thời gian thực hiện tự đánh giá: từ 10/10/2023 đến 04/11/2023

b. Thời gian công bố báo cáo kết quả tự đánh giá: 20/12/2023

*1.2 Kết quả tự đánh giá*

a. Tổng số điểm tự đánh giá: 91

b. Tự đánh giá chất lượng: Đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng chương trình đào tạo

c. Bảng tổng hợp chi tiết điểm tự đánh giá chất lượng theo từng tiêu chí, tiêu chuẩn:

| TT | Tiêu chí, tiêu chuẩn,  (*ghi đầy đủ nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn*) | Điểm chuẩn | Tự đánh giá |
| --- | --- | --- | --- |
|  | ĐỀ XUẤT CẤP ĐỘ ĐẠT ĐƯỢC |  | *Đạt tiêu chuẩn kiểm định* |
|  | Tổng điểm | 100 | 91 |
| 1 | Tiêu chí 1: Mục tiêu, quản lý và tài chính | 6 | 5 |
|  | Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu của chương trình đào tạo phù hợp mục tiêu đào tạo của nhà trường và nhu cầu thị trường lao động, được công bố công khai và được rà soát, điều chỉnh theo quy định của Bộ LĐTB&XH. | *2* | *2* |
|  | Tiêu chuẩn 2: Khoa có văn bản giao nhiệm vụ cụ thể cho các tổ bộ môn phụ trách chương trình đào tạo hoàn thành các nhiệm vụ được giao. | *2* | *2* |
|  | Tiêu chuẩn 3: Hàng năm, khoa nghiên cứu, xác định định mức chi tối thiểu cho một người học, đảm bảo chất lượng của chương trình đào tạo và có đủ nguồn thu hợp pháp để thực hiện chương trình đào tạo. | *2* | *1* |
| 2 | Tiêu chí 2 - Hoạt động đào tạo | 14 | 13 |
|  | Tiêu chuẩn 1: Nhà trường thực hiện công tác tuyển sinh theo quy định; kết quả tuyển sinh đạt chỉ tiêu theo kế hoạch đề ra vì vậy đảm bảo số giờ cho !00% giảng viên của khoa. | *2* | *2* |
|  | Tiêu chuẩn 2: Khoa có kế hoạch đào tạo và tổ chức thực hiện tiến độ đào tạo theo quy định. | *2* | *2* |
|  | Tiêu chuẩn 3: Thực hiện phương pháp đào tạo phù hợp với nội dung chương trình đào tạo, kết hợp rèn luyện năng lực thực hành với trang bị kiến thức chuyên môn; phát huy tính tích cực, tự giác, năng động, khả năng làm việc độc lập, tổ chức làm việc theo nhóm của người học; thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin, truyền thông trong hoạt động dạy và học. | *2* | *2* |
|  | Tiêu chuẩn 4: Công tác phối hợp với đơn vị sử dụng lao động trong việc tổ chức, hướng dẫn cho người học thực hành, thực tập tại đơn vị sử dụng lao động; 100% người học trước khi tốt nghiệp đều được thực hành tại đơn vị sử dụng lao động phù hợp với ngành, nghề đào tạo. | *2* | *1* |
|  | Tiêu chuẩn 5: Khoa phối hợp với các khoa nghề và các phòng ban liên quan tổ chức kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng theo quy định; có hồ sơ người học đủ và đúng theo quy định. | *2* | *2* |
|  | Tiêu chuẩn 6: Khoa tổ chức kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học các bộ môn chung theo quy định; sử dụng kết quả kiểm tra để kịp thời điều chỉnh các hoạt động dạy và học cho phù hợp. | *2* | *2* |
|  | Tiêu chuẩn 7: Tham gia đào tạo liên thông theo quy định. | *2* | *2* |
| 3 | Tiêu chí 3 - Nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên | 16 | 13 |
|  | Tiêu chuẩn 1: 100% giảng viên tham gia giảng dạy đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định. | *2* | *2* |
|  | Tiêu chuẩn 2: Hàng năm, 100% giảng viên hoàn thành các nhiệm vụ do nhà trường giao. | *2* | *2* |
|  | Tiêu chuẩn 3: Đảm bảo tất cả các mô-đun, môn học thuộc chương trình đào tạo có đủ giảng viên đứng lớp; đảm bảo tỉ lệ số người học/lớp và tỉ lệ quy đổi người học/giảng viên theo quy định. | *2* | *2* |
|  | Tiêu chuẩn 4: Số lượng giảng viên tham gia nghiên cứu khoa học, các hội thi nhà giáo dạy giỏi, hội thi thiết bị tự làm các cấp. | *2* | *1* |
|  | Tiêu chuẩn 5: Giảng viên của khoa đăng ký tham gia các khóa học tập, bồi dưỡng. | *2* | *2* |
|  | Tiêu chuẩn 6: Giảng viên cơ hữu đi thực tập tại các đơn vị sử dụng lao động theo quy định. | *2* | *0* |
|  | Tiêu chuẩn 7: 100% cán bộ quản lý giảng viên đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định. | *2* | *2* |
|  | Tiêu chuẩn 8: Hàng năm, 100% cán bộ quản lý và giảng viên hoàn thành các nhiệm vụ do cơ sở đào tạo giao. | *2* | *2* |
| 4 | Tiêu chí 4 - Chương trình, giáo trình | 24 | 23 |
|  | Tiêu chuẩn 1: Chương trình đào tạo được xây dựng hoặc lựa chọn, thẩm định, ban hành, đánh giá và cập nhật theo quy định. | *2* | *2* |
|  | Tiêu chuẩn 2: Có sự tham gia của ít nhất 02 đơn vị sử dụng lao động trong quá trình xây dựng và thẩm định chương trình đào tạo. | *2* | *1* |
|  | Tiêu chuẩn 3: Chương trình đào tạo thể hiện được khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp. | *2* | *2* |
|  | Tiêu chuẩn 4: Chương trình đào tạo thể hiện được sự phân bổ thời gian, trình tự thực hiện các mô-đun, môn học để đảm bảo thực hiện được mục tiêu giáo dục nghề nghiệp. | *2* | *2* |
|  | Tiêu chuẩn 5: Chương trình đào tạo thể hiện được những yêu cầu tối thiểu về cơ sở vật chất, đội ngũ giảng viên để triển khai thực hiện chương trình đào tạo nhằm đảm bảo chất lượng đào tạo. | *2* | *2* |
|  | Tiêu chuẩn 6: Chương trình đào tạo thể hiện được phương pháp đánh giá kết quả học tập, xác định mức độ đạt yêu cầu về năng lực của người học sau khi học xong các mô-đun, môn học của chương trình đào tạo. | *2* | *2* |
|  | Tiêu chuẩn 7: Chương trình đào tạo đảm bảo phù hợp với yêu cầu phát triển của ngành, địa phương và đất nước, phù hợp với kỹ thuật công nghệ trong sản xuất, dịch vụ. | *2* | *2* |
|  | Tiêu chuẩn 8: Chương trình đào tạo đảm bảo việc liên thông giữa các trình độ đào tạo trong hệ thống giáo dục quốc dân. | *2* | *2* |
|  | Tiêu chuẩn 9: Có đủ giáo trình cho các mô-đun, môn học của chương trình đào tạo. | *2* | *2* |
|  | Tiêu chuẩn 10: 100% giáo trình được biên soạn hoặc lựa chọn, thẩm định, ban hành, đánh giá và cập nhật theo quy định. | *2* | *2* |
|  | Tiêu chuẩn 11: Giáo trình cụ thể hóa yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng của từng mô-đun, môn học trong chương trình đào tạo; nội dung giáo trình phù hợp để thực hiện phương pháp dạy học tích cực. | *2* | *2* |
|  | Tiêu chuẩn 12: Nội dung giáo trình đảm bảo phù hợp với công nghệ trong sản xuất, kinh doanh, dịch vụ. | *2* | *2* |
| 5 | Tiêu chí 5 - Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và thư viện | 16 | 14 |
|  | Tiêu chuẩn 1: Phòng học, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, hệ thống điện, nước đảm bảo quy chuẩn xây dựng và yêu cầu đào tạo. | *2* | *2* |
|  | Tiêu chuẩn 2: Đảm bảo đủ chủng loại thiết bị đào tạo đáp ứng yêu cầu của chương trình đào tạo. | *2* | *2* |
|  | Tiêu chuẩn 3: Đảm bảo đủ số lượng thiết bị đào tạo đáp ứng quy mô, yêu cầu đào tạo. | *2* | *2* |
|  | Tiêu chuẩn 4: Thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo được bố trí hợp lý, thuận tiện cho việc thực hành, đảm bảo các yêu cầu sư phạm, an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường; thiết bị đào tạo có hồ sơ quản lý rõ ràng, được sử dụng đúng công năng, quản lý, bảo trì, bảo dưỡng theo quy định. | *2* | *2* |
|  | Tiêu chuẩn 5: Nguyên, nhiên, vật liệu được bố trí sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp thuận tiện; được quản lý, cấp phát, sử dụng theo quy định; đáp ứng kế hoạch và tiến độ đào tạo. | *2* | *2* |
|  | Tiêu chuẩn 6: Thư viện có đủ chương trình, giáo trình đã được cơ sở đào tạo phê duyệt; mỗi loại giáo trình có tối thiểu 05 bản in và đáp ứng được nhu cầu nghiên cứu, học tập của nhà giáo và người học; có đủ sách, tạp chí, tài liệu tham khảo tối thiểu 05 đầu sách/người học; 100% chương trình, giáo trình được số hóa và tích hợp với thư viện điện tử phục vụ hiệu quả cho hoạt động đào tạo. | *2* | *1* |
|  | Tiêu chuẩn 7: Thư viện được trang bị máy tính và nối mạng internet đáp ứng nhu cầu dạy, học và tra cứu tài liệu. | *2* | *1* |
|  | Tiêu chuẩn 8: Có các phần mềm ảo mô phỏng thiết bị dạy học thực tế trong giảng dạy. | *2* | *2* |
| 6 | Tiêu chí 6 - Dịch vụ cho người học | 8 | 8 |
|  | Tiêu chuẩn 1: Người học được cung cấp đầy đủ thông tin về chương trình đào tạo; quy chế đào tạo; quy chế công tác học sinh, sinh viên; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp; nội quy, quy chế của cơ sở đào tạo và các chế độ, chính sách đối với người học. | *2* | *2* |
|  | Tiêu chuẩn 2: Người học được hưởng các chế độ, chính sách theo quy định; cơ sở đào tạo có chính sách và thực hiện chính sách khen thưởng, động viên khuyến khích kịp thời đối với người học đạt kết quả cao trong học tập và tư vấn, hỗ trợ kịp thời cho người học trong quá trình học tập. | *2* | *2* |
|  | Tiêu chuẩn 3: Hàng năm, tham gia cung cấp cho người học các thông tin về nghề nghiệp, thị trường lao động và việc làm; thực hiện trợ giúp, giới thiệu việc làm cho người học sau khi tốt nghiệp. | *2* | *2* |
|  | Tiêu chuẩn 4: Tham gia tổ chức đa dạng hóa các hoạt động xã hội, văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao cho người học. | *2* | *2* |
| 7 | Tiêu chí 7 - Giám sát, đánh giá chất lượng | 16 | 15 |
|  | Tiêu chuẩn 1: Hàng năm, thu thập ý kiến các đơn vị sử dụng lao động về mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp đang làm việc tại đơn vị sử dụng lao động và sự phù hợp của chương trình đào tạo với thực tiễn. | *2* | *2* |
|  | Tiêu chuẩn 2: Phối hợp điều tra đối với người tốt nghiệp để thu thập thông tin về việc làm, đánh giá về chất lượng đào tạo của nhà trường và sự phù hợp của chương trình đào tạo với vị trí việc làm của người tốt nghiệp. | *2* | *2* |
|  | Tiêu chuẩn 3: Hàng năm, thu thập ý kiến giảng viên, cán bộ quản lý về các nội dung liên quan đến công tác dạy và học, tuyển dụng, bổ nhiệm, bồi dưỡng, phân loại và đánh giá giảng viên, cán bộ quản lý của khoa. | *2* | *2* |
|  | Tiêu chuẩn 4: Hàng năm, thu thập ý kiến người học về chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo, chất lượng giảng dạy, việc thực hiện chế độ, chính sách và các dịch vụ đối với người học. | *2* | *2* |
|  | Tiêu chuẩn 5: Cơ sở đào tạo thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo theo quy định. | *2* | *2* |
|  | Tiêu chuẩn 6: Hàng năm, khoa có kế hoạch cụ thể và thực hiện cải thiện, nâng cao chất lượng chương trình đào tạo trên cơ sở kết quả tự đánh giá của nhà trường và kết quả đánh giá ngoài. | *2* | *2* |
|  | Tiêu chuẩn 7: Trong vòng 06 tháng kể từ khi tốt nghiệp, tối thiểu 80% người học có việc làm phù hợp với ngành, nghề đào tạo. | *2* | *1* |
|  | Tiêu chuẩn 8: Kết quả điều tra hài lòng với kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp của người tốt nghiệp làm việc tại đơn vị sử dụng lao động. | *2* | *2* |

C. ĐỀ XUẤT, KHUYẾN NGHỊ

Để tạo điều kiện cho nhà trường thực hiện tốt kế hoạch đào tạo năm học 2023 - 2024 và những năm tiếp theo, nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, thu hút HSSV vào học và giải quyết việc làm cho HSSV sau đào tạo, Nhà trường kính đề nghị:

\* Đối với Tổng Liên đoàn, Liên đoàn Lao động Nghệ An:

- Xác định rõ cấp quản lý về tổ chức bộ máy và biên chế viên chức được giao của Trường để bảo đảm quyền lợi hợp pháp cho cán bộ, nhân viên và giáo viên.

- Sớm phê duyệt Đề án vị trí việc làm và Phương án tự chủ để đơn vị có cơ sở pháp lý trong hoạt động.

- Để tạo điều kiện về cơ sở vật chất cho hoạt động đào tạo của Nhà trường trong giai đoạn chuyển giao dần cơ chế tự chủ, đề nghị Tổng Liên đoàn bố trí kinh phí sửa chữa cơ sở vật chất xuống cấp (đã có trong nội dung Kết luận số 42 của Tổng liên đoàn).

- Tổng LĐLĐ Việt Nam, LĐLĐ tỉnh Nghệ An hỗ trợ kinh phí để hoàn thiện chương trình trung hạn 2020 - 2023 cho các hạng mục Ngân sách Nhà nước bố trí nguồn kinh phí còn thiếu 3,5 tỷ đồng.

\* Đối với Nhà nước:

- Ngân sách Nhà nước hỗ trợ phần chênh lệch giữa thu, chi sự nghiệp theo dự toán năm đầu thực hiện tự chủ, tạo điều kiện cho Trường thực hiện lộ trình tăng dần mức thu học phí và các nguồn thu khác để tăng dần mức tự chủ giai đoạn 2022 - 2026 sau khi Phương án tự chủ tài chính được phê duyệt.

- Được Nhà nước ưu tiên đặt hàng, giao nhiệm vụ theo kết quả đầu ra đối với các dịch vụ đào tạo các nghề sử dụng ngân sách Nhà nước.

- Tiếp tục thực hiện chương trình mục tiêu GDNN-VL và ATLĐ cho các nghề trọng điểm, Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp.

|  |  |
| --- | --- |
| Nơi nhận:  - TCGDNN (để b/c);  - Sở LĐ-TBXH tỉnh/thành phố (để b/c);  - BGH (để b/c);  - Lưu VT | HIỆU TRƯỞNG  (Đã ký)  Nguyễn Cảnh Thịnh |
|  |  |